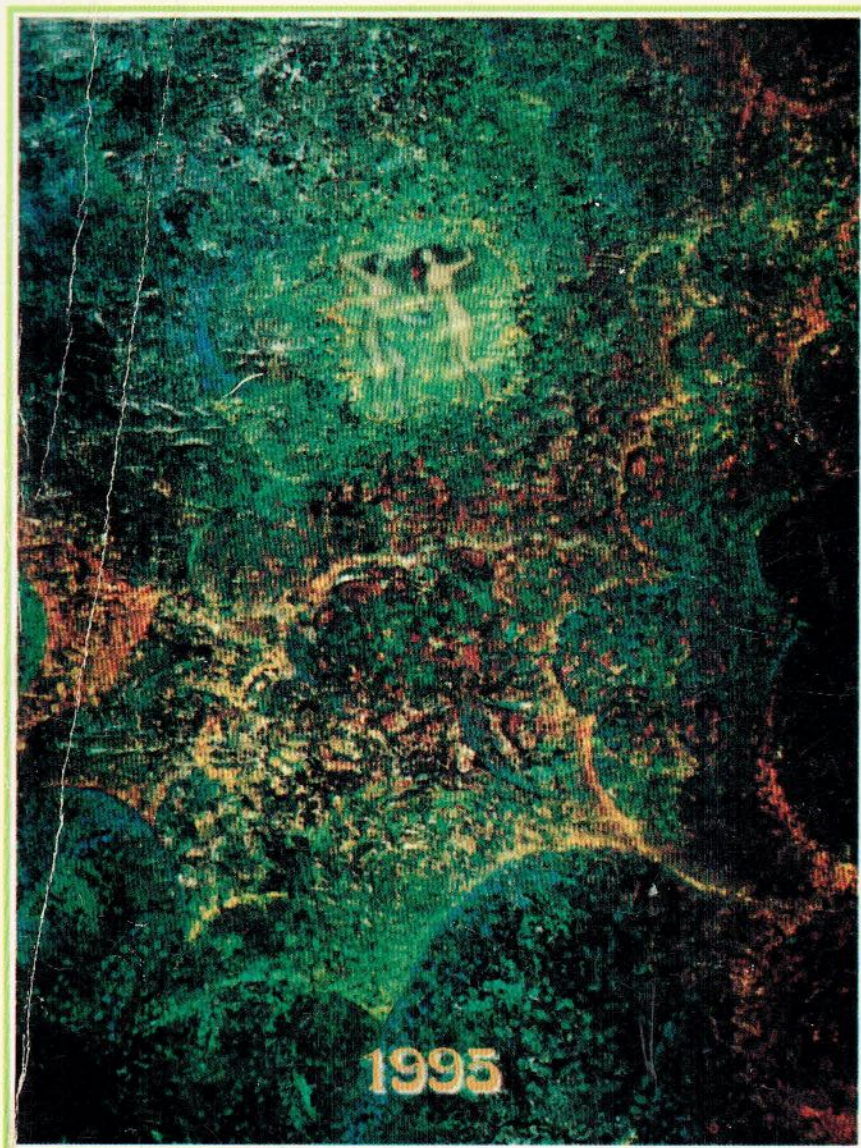
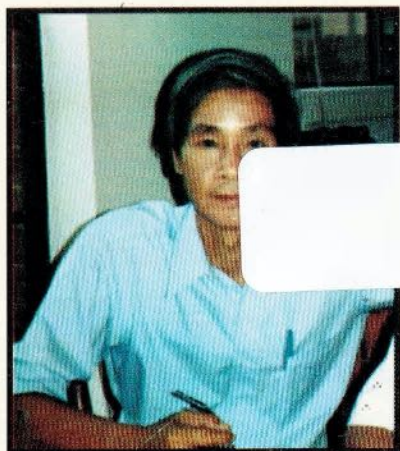


thế uyên
nhà văn già và cô bé gù



1995

XUÂN THU



THẾ UYÊN Nguyễn Kim Dung

Sinh năm 1935 tại Hà nội. Di cư vào Sài gòn 1954, tốt nghiệp Trung học Chu văn An, theo học Đại học Phạm, trở thành ng mười hai năm. quân đội miền 1962 và là trung úy năm 1975 nên bị chính quyền miền Bắc đưa đi cải tạo tập trung trong ba năm. Sau khi được tha, theo học Văn Sử trường Sư Phạm Bồi dưỡng Sài gòn và trở lại dạy môn Văn trong ba năm. Cùng gia đình đến Mỹ năm 1987 theo diện đoàn tụ gia đình, định

cư tại tiểu bang Washington. Vừa viết văn trở lại vừa đi học, tốt nghiệp bằng *Associate in Arts* tại Đại học Cộng đồng *South Puget Sound* (1990), tốt nghiệp bằng BA về Khoa học Xã hội tại *Evergreen State College* (1992), Olympia, WA. Cùng với Giáo sư John C. Schafer được một *grant* của *The Social Science Research Council* (NY) để đi sưu khảo về văn học quốc ngữ Nam kỳ trong mùa hè 1992. Sau khi làm trợ giảng Việt ngữ Việt văn tại *The University of Washington* (Seattle), làm Cố vấn cho *EF International Language Schools* (MA) tại Việt nam 1994-1995.

Trước tháng 4-75 đã có hai mươi mốt cuốn sách được xuất bản, gồm đủ loại sáng tác, biên khảo, giáo khoa cũng như dịch thuật. Ngoài việc dạy học, đi lính và viết văn, còn chủ trương nhóm văn hóa *Thái Độ* với mục tiêu hình thành một xã hội mới không theo Tư bản và Cộng sản.

Sau khi định cư ở Hoa kỳ, thêm bảy cuốn mới được in ra: • *Sài gòn sau mười hai năm* • *Con đường qua mùa đông* • *Nghĩ trong mùa xuân* • *Tuyển tập truyện ngắn Thế Uyên* • *Tuyển tập tâm tình các nhà văn nữ Hoa kỳ* • *Khu vườn mùa mưa* • *Nhà văn già và cô bé gù...* bộc lộ một khuynh hướng thiên về văn học, nhân bản và hòa bình, lạc quan về cuộc sống và con người hơn hồi trẻ.

GIÁ: \$11.00

NHÀ XUẤT BẢN XUÂN THU

PO Box 97 Los Alamitos CA 90720 USA ☎ (714) 828-9222

NHÀ VĂN GIÀ VÀ CÔ BÉ GÙ

Tập truyện

TÁC PHẨM:

1- SÁNG TÁC — **Những hạt cát**, (tập truyện ngắn, tác phẩm đầu tiên 1962, Thời Mới xuất bản và tái bản lần thứ nhì và thứ ba, Xuân Thu tái bản, USA), **Mưa trong sương** (kịch, Thời Mới xuất bản), **Ngoài đêm** (truyện ngắn, Nguyễn Đình Vương xuất bản 1965, Khai Trí tái bản 1969, Xuân Thu tái bản USA), **Nỗi chết không rồi** (truyện ngắn, viết chung với anh là Duy Lam, Nguyễn Đình Vương xuất bản 1966, Văn Uyển tái bản), **Mưa trong sương** (truyện, Nguyễn Đình Vương xuất bản 1971, Văn Uyển tái bản), **Bản tình ca** (truyện ngắn, Thái Độ xuất bản 1968), **Căn nhà của mẹ** (truyện ngắn, Trí Đăng xuất bản 1971), **Những người đã qua** (kí, Văn Uyển xuất bản 1968), **Mười ngày phép của một người lính** (đoản văn, Nam Sơn xuất bản 1965, Khai Trí tái bản 1971), **Những ý nghĩ của bọt biển** (đoản văn, Nam Sơn xuất bản 1966), **Đoạn đường chiến binh** (đoản văn, Lá Bối xuất bản 1971, Xuân Thu tái bản USA). **Chỉ có một truyện dài: Tiền đồn** (Thời Mới xuất bản 1967, Khai Trí tái bản 1971, Xuân Thu tái bản USA).

2— BIÊN KHẢO: **Chiến tranh Cách mạng** (Khai Trí & Thái Độ xuất bản 1968), **Nghĩ trong một xã hội tan rã** (Thái Độ xuất bản 1967 và tái bản 1969), **Tiểu Luận** (Thái Độ xuất bản 1971).

3— GIÁO KHOA: bộ 4 cuốn **Quốc Văn** các lớp 6, 7, 8 và 9 (Thái Độ xuất bản và tái bản 1972-1974).

4— DỊCH: **Tình dục** (4 cuốn, Thái Độ xuất bản 1969), **Về miền đất hứa** (Léon Uris, Thanh Bình xuất bản 1970, Xuân Thu tái bản USA), **Kỹ thuật Tuyên truyền Chính trị** (J. M. Domenach, Thái Độ xuất bản 1969), **Kỹ thuật Đảo chánh** (Cuzio Malaparte, Thái Độ xuất bản 1970, Xuân Thu tái bản USA).

Tổng cộng hai mươi nhan đề sách xuất bản tại Sài Gòn trước 30-4-1975. Đã in lại ở Hoa Kỳ: **Những hạt cát**, **Ngoài đêm** (ấn bản mới), **Đoạn đường chiến binh**, **Về miền đất hứa** (dịch Léon Uris), **Tiền Đồn**.

Sau khi định cư tại Hoa Kỳ, đã xuất bản sáu cuốn mới, đều do Xuân Thu xuất bản: **Sài Gòn sau mười hai năm** (1989), **Con đường qua mùa đông** (1989), **Nghĩ trong mùa xuân** (1992), **Tuyển tập truyện ngắn Thế Uyên** (1992), **Tuyển tập tâm tình các nhà văn nữ Hoa kỳ** (dịch, 1993), **Khu vườn mùa mưa** (1993).

THẾ UYÊN

**NHÀ VĂN GIÀ
và
CÔ BÉ GÙ**

Tập truyện

1995
XUÂN THU

NHÀ VĂN GIÀ VÀ CÔ BÉ GÙ

Tập truyện của **Thế Uyên**

XUÂN THU ấn hành lần thứ nhất tại Hoa Kỳ
tháng mười một một chín chín năm

Tác giả giữ bản quyền ©

Cấm trích dịch và in lại dưới mọi hình thức

In tại nhà in riêng của nhà xuất bản.

Copyright © 1995. All Rights Reserved.

Printed in United States of America

ISBN: 1-56295-099-1

NHÀ XUẤT BẢN XUÂN THU

PO Box 97 Los Alamitos CA 90720 USA

TEL: (714) 828-9222 & **Fax:** (714) 828-0200

Đây chỉ là một tập truyện ngắn — dù đôi khi viết như là truyện có thật thì chỉ là bút pháp thôi. Do đó nếu có chi tiết nào ngẫu nhiên trùng hợp với con người hay sự việc có thật ngoài đời, thì hoàn toàn là do tình cờ.

Thế Uyên

NHÀ VĂN GIÀ VÀ CÔ BÉ GÙ

OC 1987, CA, September 10, 2017

Cô bé gù có một cái tên rất đẹp do bà mẹ, một giáo sư Văn lựa chọn kỹ càng đặt cho. Nhưng cả nhà và sau này họ hàng lẫn bà con xóm giềng chỉ gọi cô ngắn gọn là Bé. Cái tên hai chữ đẹp tuyệt vời ấy chỉ dùng trong học đường, một thế giới khác khá biệt lập với môi trường chính cô bé sống bên trong. Một con người tật nguyên thường thu gọn lại trong cuộc sống gia đình, trong một ngôi nhà, một khu vườn nào đó. Ở trong không gian ấy, cô mãi mãi chỉ là Bé thôi.

Mẹ cô khi còn con gái là hoa khôi của một trường trung học ở Đà Nẵng, có làn da trắng và thân hình nẩy nở chứ không mảnh mai như mấy nàng tôn nữ xứ Huế. Bà đã truyền phần lớn nhan sắc mình cho cô con gái duy nhất không may bị gù này. Vậy thì Bé vào năm mười bốn tuổi

đã có khuôn mặt đẹp, nhưng đôi mắt sâu hơn vì di truyền từ phía bố, đôi môi hơi ngấn nhưng mấp cẳng. Nếu ngược Bé phát triển nhanh và lớn như bà mẹ, mười ba tuổi mẹ đã phải mua nịt vú cho Bé mặc lúc đi học, thì một chân lại ngắn hơn chân kia, làm ngay từ lúc đi học lớp một, Bé đã phải dùng nạng.

Cô bé có hai người anh đã vượt biển thành công sang Úc nhiều năm và học ngành kỹ sư điện toán. Hai anh thừa hưởng khả năng toán từ ông bố vốn là một giáo sư dạy toán nổi danh của nhiều trường trung học Sài Gòn. Nhưng hai đứa con này làm lương cao gửi được nhiều tiền về cho gia đình hơi trễ, do đó bố mẹ cô bé đã phải bán căn nhà rộng có vườn trong thành phố để thanh toán số vàng đã hứa phải chi khi hai con trai vượt biển thành công. Hai ông bà mua căn nhà gỗ lợp tôn nằm nhô trên con rạch gần cạn đầy bùn cuối một cư xá gần vùng ngoại biên. Nhưng dù trong hoàn cảnh nào, cô bé vẫn được săn sóc chu đáo, nuôi dưỡng đầy đủ. Dù tật nguyên hay không cô vẫn là đứa con gái duy nhất trong một gia đình năm con.

Không ai biết cô bé ý thức mình là một người nữ tật nguyên vào lúc nào tuổi nào, nhưng không mấy ai thấy cô than thở, khóc lóc vì chuyện đó. Có lẽ tại cả gia đình họ hàng cứng chiều, có lẽ một phần do cô sinh trong một gia đình theo đạo. Từ lâu lắm rồi cô được giảng rằng Chúa, vì một lý do nào đó không thể hiểu được, đã đưa cô vào cuộc đời này với tật nguyên bẩm sinh như vậy. Ông cha đỡ đầu

NHÀ VĂN GIÀ VÀ CÔ BÉ GÙ

cho cô, bây giờ tóc đã bạc lắm rồi, luôn luôn nhấn mạnh cô vẫn có hạnh phúc, nếu cô biết bằng lòng với phần hạnh phúc Chúa đã định sẵn cho cô.

Vậy thì cô bé là một cô gái tật nguyên yêu đời yêu người. Cô ngày ngày chống nạng đi học và học rất khá, xếp hạng thứ ba trở xuống là ít khi xảy tới. Học giỏi, quần áo đẹp, cô tham dự vào mọi sinh hoạt ở trường, chơi cùng bạn những trò nào không đòi hỏi sử dụng đôi chân. Hơn nữa bố mẹ cô vốn là nhà giáo kỳ cựu có danh trong thành phố, biết cách giải quyết vấn đề. Đầu niên học nào cũng vậy, không bố thì mẹ đến gặp trước thầy cô ở tiểu học, gặp giáo viên chủ nhiệm ở trung học, để gửi gắm cô gái tật nguyên. Đôi khi họ còn lựa một buổi không có cô đi học để nói với cả lớp là hãy thương cô, che chở giúp đỡ cho đứa con gái không may mắn. Hơn nữa trong cặp cô bao giờ bà mẹ cũng để sẵn hàng ngày một khoản tiền không những đủ cô ăn quà mà còn dư để bao các bạn bè thân. Bởi thế cô bé đã lớn lên khá bình thường. Chỉ có điều càng lớn, đôi mắt sâu trong xanh dưới hàng mi rậm đen mượt càng có một vẻ buồn bã mà người ngoài chỉ bắt gặp khi cô tưởng không có ai quan sát mình.

Chỉ có cô bé và bà mẹ mới biết nỗi buồn trong đôi mắt ấy bắt nguồn từ đâu và vào lúc nào. Gia đình cô dọn vô căn nhà gỗ trên con rạch này vào năm cô bắt đầu dậy thì. Trước kia cô có một phòng riêng tiện nghi trên lầu ngay cạnh phòng bố mẹ, trong biệt thự ngoài thành phố. Bây giờ

sang nhà mới chật hẹp hơn nhiều, cô vẫn có một phòng nhỏ vách gỗ thùng thô sơ, sát cạnh phòng bố mẹ. Nhưng vẫn đẹp vì bố cô và hai đứa em trai đã bỏ cả một ngày chủ nhật ra sơn lại tất cả một màu xanh ngọc bích. Riêng cái cửa sổ thô sơ chống lên hạ xuống thì được sơn màu hồng nhạt như lời cô yêu cầu.

Chính tại căn phòng xinh xắn này cô thấy kinh lần đầu vào một buổi sáng trước khi đi học. Bà mẹ, một cô giáo đầy kinh nghiệm, không để cô hoảng sợ hay kinh ngạc lâu. Bà vừa chuẩn bị những điều cần thiết về y phục cho cô bé vẫn có thể đi học, vừa cắt nghĩa bằng những lời lẽ cụ thể rõ ràng để cô gái hiểu thế nào là thân phận người nữ mới xuất hiện. Nhưng kể từ đó cô bé bắt đầu có những đêm khó ngủ, nhất là kể từ khi hai đầu vú bắt đầu nhô lên, nhiều khi nhức nhối. Cô than thở với mẹ và được cho biết rồi điều đó sẽ qua đi. Nhưng bây giờ cô không còn ngủ kiểu con nít nữa, cô trằn trọc và nhiều đêm bỗng thức tỉnh. Chính vào những khoảng khắc như thế cô đã đi vào thế giới dục tình của người lớn. Vách gỗ ngăn hai phòng quá mỏng và nhiều khe, cô bé đã nghe thấy tiếng bố thở hổn hển và sau cùng là tiếng mẹ rên rỉ và có lúc kêu lên như bị đau đớn vô cùng.

Đêm đầu tiên nghe thấy như thế, cô bé đã lo ngại cho mẹ. Sáng sớm cô đã thức dậy, vào ngồi chiếc bàn ăn trong bếp và khi bà mẹ đi ra trong chiếc áo ngủ hở ngực hở tay và một phần đùi, cô đã đảo mắt thật nhanh xem trên người mẹ có vết thương nào không. Cô chưng hửng khi thấy thân

thể mẹ vẫn nhăn nhui, và hơn nữa, còn như hồng hào hơn. Cô đưa mắt ngắm nghía hơi kỹ làm mẹ, khi bưng tô bún riêu nóng hổi lại đặt trên bàn, đã phải hỏi:

— Bé làm gì mà nhìn mẹ kỹ vậy?

— Bố làm gì mẹ đêm qua mà mẹ kêu vậy? Bố làm mẹ đau hả?

Bà mẹ cười, vừa ăn bún vừa cắt nghĩa. Mẹ bảo mẹ kêu không phải vì bố làm đau mà vì bố làm cho mẹ sướng. Bà cũng cắt nghĩa thêm cho Bé hiểu là từ xưa đến nay mọi sự vẫn là như thế, từ thời có ông Adam lẫn bà Eve kia. Nếu những năm trước Bé không nghe thấy tiếng kêu rên là tại hồi đó ở nhà biệt thự tường gạch. Vậy thôi.

Cô bé rất tin ở mẹ về những chuyện đó, cũng như tin ở bố khi bố kèm toán lý hóa hay nói về thế giới đàn ông, thế giới bên ngoài. Một thứ thế giới rất là hỗn độn, dữ dằn. Nhưng những tiếng kêu thất thanh của mẹ vẫn làm cho Bé băn khoăn. Cô muốn coi thực sự những gì xảy ra và điều đó không khó. Với một chiếc đỉnh, cô đã tẩn mẩn khoét được một lỗ nhỏ nhìn sang phòng bên. Và khuya hôm đó, khi thấy tiếng giường lay động dữ dội và tiếng mẹ bắt đầu kêu, cô đã xoay người áp mặt vào lỗ hổng. Lỗ ở vị trí hơi cao nên cô chỉ nhìn thấy mẹ đang ngồi lắc lư trên người bố nằm ngửa. Tóc mẹ xõa tung và đôi vú của mẹ căng lên, thẳng băng. Mẹ bỗng kêu thất thanh và hai bàn tay của bố phóng lên úp lên hai vú mẹ. Sau một khoảng khắc tê cứng, mẹ bỗng úp xấp lên bố và sau đó Bé nghe thấy tiếng cười

nhẹ chế riều của bố và giọng thì thảo như ngưng ngừng của mẹ.

Ngày hôm sau là ngày thứ tư, ngày tắm có gội đầu của Bé vì sáng hôm đó mẹ không có giờ dạy. Kể từ khi dọn vào ngôi nhà gỗ này Bé đã dư sức tắm một mình. Chỉ khi nào tắm có gội đầu mới cần tới mẹ phụ giúp. Mẹ để Bé ngồi trên chiếc ghế thấp để dễ múc nước từ thùng phuy. Bà thường chỉ mặc một quần lót bởi vì gội đầu cho Bé xong, bà cũng ướt nhẹp. Những lúc tắm chung như thế là những khoảng khắc thân mật nhất giữa hai mẹ con, giữa hai sinh vật nữ. Bởi thế khi lớp mao bắt đầu che phủ nhẹ phần dưới, Bé đã không ngạc nhiên vì đã quen với phần đó của mẹ đầy đặc hơn. Bé thường hỏi mẹ những câu hỏi khó khăn khi cúi đầu cho mẹ vò tóc. Và đã có lần mẹ nói rằng những lúc ấy người đàn bà thường sướng nhiều và dữ dội hơn đàn ông. Mẹ bảo Chúa đã an bài như vậy để bù lại những lúc mang nặng đẻ đau.

Mẹ nở một nụ cười rất vui khi xoa sà bông lên đôi vú cho Bé. Mẹ khen Bé có bộ ngực còn đẹp hơn của mẹ lúc còn trẻ. Mẹ bảo hồi ấy vú mẹ to hơn nhưng trĩu nặng xuống, chứ không được như của Bé. Nếu Bé có mặc nịt vú khi đi học, thì chẳng qua là y phục đòi hỏi phải như vậy. Mẹ cũng dặn dò Bé khi quàng tay kéo cô gái lên lau người rằng Bé đừng có bao giờ lo ngại khi thấy mẹ kêu nữa, rằng mẹ mê bố vì bố biết làm cho mẹ kêu lên như thế. Dĩ nhiên có một vấn đề cả hai mẹ con cùng chẳng bao giờ nhắc tới, là Bé

tật nguyên như vậy, có bao giờ hi vọng Bé được biết đến tình yêu như thế không.

Vậy khi cô bé gặp ông nhà văn già, cô không phải là một trinh nữ ngây thơ không biết gì về chuyện nam nữ trên cõi đời này. Ông nhà văn già không phải vốn có sẵn trong khung cảnh quen thuộc của cô, mà ông một ngày nào đó bỗng tự dưng xuất hiện. Trên con đường đi học hàng ngày của Bé có một quãng Bé rất thích. Một phía toàn là vách tường có hai cây dương cổ thụ, một phía là nhà làm thêm không nhà nào giống nhà nào. Tại nơi đó có căn nhà tôn một tầng đối diện cây dương lớn Bé vẫn hay ngừng nghỉ chân những hôm trời nắng, căn nhà có một cây bông giấy lớn có cành bò sát trên đất của lòng đường. Vào mùa hoa bông giấy nở, Bé hay ngừng lâu vì cây này cho hoa hai màu khác nhau.

Ông già bỗng dưng xuất hiện đều đặn, lúi húi lên luống chạy dài suốt bờ tường bên kia. Ông trồng rau trồng cà. Tất cả đều tươi tốt vì ông không sợ dơ, đi xin phân heo các nhà về bón và tưới bằng nước cống. Bé chú ý một cách sơ sài thôi vì cảnh một ông già trồng rau thì có gì là lạ. Tối một hôm đi học về, Bé thấy luống rau đã biến mất, chỉ còn hai cây cải già đang nở hoa màu vàng và tím đẹp tuyệt vời. Bé ngừng ở dưới gốc cây dương hơi lâu gần đấy chỉ vì hai cây cải nở hoa rủ rê bướm trắng bướm vàng bay lượn trong nắng. Chính ông già mở lời nói với Bé trước.

— Bác chẳng trồng rau nữa đâu. Chắc bác trồng hoa

suốt khúc này.

Ông nói giản dị như Bé là người quen thuộc đã lâu lắm rồi. Thái độ đó Bé cho là tự nhiên vì ngày nào Bé chẳng đi qua đây hai lần. Chưa kể chiều chủ nhật theo cả nhà đi lễ Nhà Thờ nữa. Bởi thế Bé đã hỏi lại tự nhiên.

— Bác bán hết luống rau được tiền không?

— Bác bán hồi nào đâu. Sáng sớm nay chẳng biết kẻ nào mang thúng đến đây chứa sạch rau của bác mang ra chợ bán.

Ông già nói bằng một giọng điềm tĩnh, không một chút nào tức giận. Ông làm như cái thế giới đầy hỗn loạn trộm cắp và áp bức này vốn là như thế, không khác được, như cây dương Bé đang đứng dưới gốc, như hai cây cải đang nở hoa và bầu trời đang chói chang nắng, đầy gió.

Mà ông trồng hoa thực. Ông làm lại luống thật cẩn thận, cời đất thật kỹ, không để lại một viên sỏi một cọng rác nào. Bé theo dõi công việc của ông hàng ngày và vẫn trao đổi những câu nói với ông. Không nhiều về phần Bé vì tính Bé vẫn vậy, vẫn dè dặt với thế giới mà Bé cho là thế giới của bố, đầy biến động dữ dội. Ông già kể cho Bé nghe là ông mới đi cải tạo về. Ở trên trại, bất cứ trại nào, ông vẫn trồng hoa mỗi khi có thể được. Ông vẫn chiều chiều pha cà phê bằng cái phin và ly sứ đầy cộp của Nhật có hoa văn hoa đỏ do vợ gửi lên. Ông bày tỏ một thần phục rõ rệt khi biết Bé đã học lớp tám và đầu lớp dài dài.

Không bao giờ Bé dừng lại quá lâu vì sợ ở nhà cho

người đi đón, nhưng hầu như ngày nào Bé cũng ngưng lại ít phút nơi quãng đường này. Khi không thấy ông già thì Bé ngó những mầm cây non, xem chúng đã lớn tới đâu. Một lần, khi Bé tựa lên nạng ngay cạnh luống hoa, ông già đã ngừng lên nhìn rồi khen:

— Áo cháu mặc hôm nay đẹp lắm. Ở Úc gửi về hả?

Bé đã kể cho ông nghe Bé có hai người anh sắp ra trường kỹ sư ở Úc, cũng như ông già đã kể ông cũng có bảo lãnh đi Hoa Kỳ. Chiếc áo Bé đang mặc may bằng một thứ lụa xộp mỏng màu xanh da trời, để lộ rõ chiếc nịt vú màu đen mà trong thư hai anh cứ gọi là bra. Mẹ vẫn nhấn mạnh là Bé có bộ ngực còn đẹp hơn của mẹ lúc còn là hoa khôi, và mẹ bảo làm con gái không có gì là xấu hổ khi tìm cách phô ra ưu điểm của mình. Nhưng Bé chỉ thực là sung sướng, và sùng sùng nhiều ngày sau đó, khi Bé rụt rè hỏi ông:

— Bác thấy... cháu thế nào?

— Cháu biết là cháu xinh mà, đâu cần phải ý kiến bác. Mất cháu đẹp lắm.

Ông già nói xong mỉm cười, cúi xuống dùng bàn tay xới đất vun vào mấy cây hoa đã cao chừng mười phân. Ông nói, không nhìn Bé:

— Cháu biết không, chính lòng yêu hoa và mọi vẻ đẹp của thiên nhiên đã giúp bác tồn tại qua những năm cải tạo. Và cả bây giờ nữa cháu. Vẻ đẹp có ở bất cứ chỗ nào nếu chúng ta chú ý tìm. Cháu nhìn kia kìa, bông hoa tím đang thò ra khỏi hàng rào kẽm gai...

— Cháu thấy rồi. Coi hay thật đấy.

Bé ngừng nói tập tễnh với đôi nạng đi về nhà vì đường lúc đó đã đông học sinh cấp ba mới tan học. Ngày hôm sau khi hai mẹ con tắm chung để mẹ gội đầu hàng tuần, Bé kể lại chuyện quen ông già trồng hoa ven đường. Và Bé ngạc nhiên khi thấy mẹ thở dài nhẹ nhàng và nói mẹ biết ông đó từ lâu. Từ khi mẹ rất trẻ.

Vì cô bé cứ hỏi hoài nên tối hôm đó mẹ ngồi lên giường và kể chuyện-ngày-xưa-khi-còn-trẻ của mẹ. Mẹ bảo hồi còn học lớp mười một đã mê đọc văn ông già, đọc lén lút với bạn bè thôi vì người lớn hồi đó bảo ông viết bạo quá, con gái mới lớn không nên đọc. Mẹ bảo nhờ đọc văn ông mà biết rằng tình yêu nam nữ trên đời không phải chỉ là những hoa bướm mộng mơ và chỉ ngừng ở cái hôn trên môi. Năm lớp mười hai, một buổi trống giờ đi lang thang với hai người bạn vùng chợ Cồn, mẹ đã gặp ông ta. Một chiếc xe *jeep* ngừng lại và hai người thường phục xuống xe. Cả hai đều cao lớn và đều ngậm ống điếu. Một cô bạn nhận ra họ là hai nhà văn nổi tiếng đương thời, không những vì văn chương mà vì nếp sống mạnh mẽ của họ. Cả hai đều là sĩ quan tác chiến, nay đơn vị này mai đơn vị khác, viết mạnh cũng như sống mạnh. Một người sưng lại nhìn mẹ trong áo dài trắng đồng phục nữ sinh mỏng, lướt mắt trên phần ngực căng dưới nịt vú đen, dừng lại đọc bảng tên thêu trên vải áo. Mẹ cùng hai bạn vội vã đi nhưng vẫn còn nghe thấy người đó nói:

“Chưa bao giờ tôi thấy tên con gái trùng hợp với người như hôm nay. Tên con bé là Tiểu Tuyết và quả thực da nó trắng tối đa.”

Người nói câu trên chính là ông già trồng hoa bấy giờ. Mẹ kể mẹ chỉ gặp ông nhà văn này nhiều năm về sau. Lúc đó mẹ đã tốt nghiệp Sư Phạm, đã lấy bố và đang mang bầu đứa con trai đầu. Mẹ được cử đi làm giám thị coi thi Tú Tài I và vì đến hơi trễ, mẹ lách vào ngồi bàn thứ hai trước khi nhận ra Thư Ký Hội Đồng đang đọc tên kiểm diện các giám thị kia chính là ông nhà văn gặp ngày nào ở chợ Cần Đà Nẵng. Ông ta đã đi lính bốn năm, được giải ngũ trở về dạy học như xưa.

Bà mẹ đứng dậy tháo chiếc gậy chống, hạ cửa sổ xuống ngăn đàn muỗi đã bắt đầu bay vào mỗi lúc một nhiều, trước khi kể tiếp rằng buổi sáng hôm đó ông nhà văn ấy đã nhìn xuống bụng đã to của mẹ trước khi trao nhiệm vụ chỉ cần ngồi tại chỗ trong suốt kỳ thi. Có một lúc nào đó ông ta nhìn vào mắt mẹ, nhưng mẹ không thể biết là ông ta có nhớ được thiếu phụ mang bụng bầu này chính là cô Tiểu Tuyết ông đã say sưa thưởng ngoạn nhan sắc nhiều năm về trước, trên vùng ven chợ có nhiều cát và đầy người ồn ào ấy không.

Cô bé ngái ngủ hỏi khi bà mẹ tấn màn cho cô:

— Như vậy mẹ đâu có quen ông ấy phải không?

— Đúng vậy. Nhưng mẹ biết ông ta. Văn chương làm cho nhà văn gần gũi với người đọc ghê lắm đó.

Trước khi đi vào giấc ngủ, cô bé nhớ đã yêu cầu mẹ kiểm cho cô đọc sách của ông già. Mẹ đã ưng thuận nhưng cũng phải hai tuần sau mới mượn được tập truyện ngắn đầu tiên — chính quyền mới để tên ông nhà văn này ngay từ những tháng đầu tiên cầm quyền ở miền Nam vào danh sách hai mươi nhà văn bị cấm theo tên, nghĩa là cứ thấy bút hiệu đó là cấm, tịch thu và tiêu hủy liền. Bé đã ngồi rồi nằm đọc suốt một buổi tối cho xong tập truyện, định sẽ mang kiến thức ấy ra bàn cho ông già ngạc nhiên. Nhưng sáng hôm sau, khi dừng lại cạnh luống hoa bây giờ đã có những cây ra nụ đầu tiên, cô lại chỉ hỏi:

— Sao bây giờ bác không hút *pipe* nữa?

Ông già ngừng lên, ngấm chiếc áo màu tường vi buông vạt ra ngoài chiếc quần *jean* của cô bé, khen màu sắc hòa hợp, rồi mới trả lời. Và với cái giọng thản nhiên cho rằng Bé có biết nhiều về ông như vậy là chuyện bình thường.

— Chiếc *pipe* bác thích nhất đã bị gãy trong lần đi lấy tre bị té trong rừng. Bây giờ thì bác không đủ tiền mua thuốc *Half & Half* bác thích. Vả lại thuốc Lào cũng được lắm cháu... Bao giờ được sang Hoa Kỳ, bác sẽ hút *pipe* lại.

Ông già hỏi thăm về kết quả thi học kỳ và tỏ ra thán phục khi Bé lại chiếm danh hiệu học sinh giỏi lần nữa. Nhưng thực ra thì Bé lại không quan tâm về vấn đề này. Điều Bé muốn hỏi là về một truyện ngắn đã đọc kia. Chàng trai trong truyện đã không đi xa hơn với nàng chỉ vì bỗng dưng nhận thấy tay mình bám đầy cát. Bé muốn biết nếu

không vì tình cờ tay dính cát, thì câu chuyện sẽ dẫn tới đâu. Bé chỉ đặt ra được câu hỏi ấy hai ngày sau khi đi học về, Bé cũng người nhìn cây hoa *cosmos* đầu tiên nở hoa. Chỉ có một bông thôi, vươn lên cao và những cánh vàng êm mượt không thể tả được đang lắc lư trước gió. Bé thèm bông hoa hết sức nhưng phân vân sợ ông già giận. Bông hoa nở đầu tiên của ông mà... Nhưng ông già đã từ trong nhà bước ra từ lúc nào, cất tiếng ngay phía trên đầu của bé:

— Cháu cứ hái đi. Tặng cháu đó.

Khi Bé đã sung sướng cười với bông hoa trên tay, Bé mới hỏi về vấn đề thắc mắc từ mấy hôm nay. Ông già cười:

— Nếu tay chàng không dính cát, thì chàng đưa tay vào trong áo của nàng. Và sau đó thì chưa biết mọi sự sẽ đi tới đâu.

— Bác là nhà văn mà bác không biết sao?

— Không biết thật chứ. Khi đã tạo dựng ra nhân vật chơi rõ nét, đầy đủ cá tính thì nhà văn đâu có ép nhân vật cư xử theo ý mình được nữa. Cứ ép, là hư hết truyện, giống như mấy ông nhà văn xã hội chủ nghĩa ngoài Bắc thôi.

Bông hoa vàng ấy hai hôm sau mới tàn vì Bé cắm vào ly nước để ngay trên bàn học, trước cửa sổ nhìn sang một vườn chuối bên kia con rạch bùn lầy. Bây giờ Bé hiểu tại sao ông già thích loại hoa này: khi rụng, cánh hoa vẫn còn giữ nguyên màu sắc và hình dáng. Nhưng đó là lần duy nhất Bé cắm một bông, bởi vì suốt trong mùa hoa năm ấy, Bé được ông già cho phép mỗi lần đi học về, được phép

lấy bao nhiêu hoa thì lấy. Đây là một đặc ân hiếm có trong cuộc chiến-tranh-về-hoa xảy ra giữa ông già và bảy bé gái trong cư xá. Con gái khu này trong tuổi thích hái hoa thật là đông đảo nên ông già giao hẹn là mỗi cô đi qua chỉ được phép hái đúng một bông thôi.

Chiến tranh bùng nổ liền vì chẳng cô gái nào có thể chỉ ngắt một bông khi luống hoa mãi khai từng bừng lác lư khêu gợi như thế kia, dưới nắng và gió. Bởi thế cô nào mà ngắt tới bông thứ ba là thấy ông già lớn tiếng từ trong nhà: *Đừng có hái bông của bác nghe!* Thế là các cô túa chạy ào ào... Lốp cành lá bông giấy quá dày nên các cô không thể biết lúc nào có lúc nào không ông già trong hàng hiên. Bởi thế các vụ chia hoa và chạy cứ diễn ra hàng ngày, trước sự chứng kiến đầy thích thú dẹt dẹt của những người lớn chung quanh.

Ông già bảo với Bé:

— Cháu biết không, thời xưa ở bên Tàu có một nhà văn nói thế này: Trồng hoa là để mời bướm, trồng trúc để mời gió... Bác thấy còn là để mời các cô bé gái nữa. Nhưng cô nào bác cũng để cho hái một bó như cháu thì chỉ hai ngày là bác cháu ta chẳng còn hoa mà ngắm, chứ đừng nói tới bướm tới gió và mây nữa.

Những cây hoa móng nước trở hoa trễ hơn, nhưng thật mập mập khỏe mạnh. Mẹ cô bé cũng như những người khác trong cư xá đều bảo rằng chưa bao giờ thấy ở đâu có hoa móng nước to cao như vậy. Lại đủ các màu nữa. Dù Bé

được đặc quyền thao túng vườn hoa của ông già, Bé vẫn không lấy hoa móng nước vì đó chẳng phải là thứ có thể cắm vào bình. Một buổi trưa Bé than với ông già như vậy thì ông cười, hẹn mai đi học về, sẽ có cách.

Và đúng như đã hứa, ngày hôm sau ông già trao cho Bé một tô nhựa đầy những hoa móng nước ông đã cắt tỉa từ những cây đẹp nhất. Ông bảo Bé về nhà kiếm một cái đĩa lớn, thả hoa cho nổi lên trên, sẽ thấy đẹp lắm. Mẹ kiếm cho Bé một cái đĩa lớn thường chỉ sử dụng đựng mứt trong ngày Tết và chính vào những lúc thả hoa cho trôi nổi bập bênh như thế, Bé đã chứng kiến một tình yêu diễn ra. Bên kia rạch xưa kia là một vườn chuối gần như bỏ hoang. Trong hai năm gần đây được quân đội miền Bắc chia lô cấp phát lại cho các sĩ quan của mình để họ làm nhà đón thân nhân vào. Bé không quan tâm lắm đến sự thay đổi bên kia rạch vì cửa sổ Bé mở ra chỉ nhìn vào một góc hoang vu nhất đầy cây chuối đầy đặc, thỉnh thoảng mới có một chàng trai đến đó lấy hoa chuối về nấu canh hay nuôi heo.

Nhưng chiều nay thì chàng trai tầm thường ấy dẫn tới góc đó một cô gái. Họ hôn nhau thì Bé cũng ngó thôi vì hôn môi nhau thì Bé quen rồi, từ trong xi nê đến ngoài đời Bé thấy thiếu gì. Bé chỉ bỏ trang nhật ký viết dở mà nhìn chăm chú khi thấy chàng trai bỗng đứng úp tay lên ngực cô gái. Cô gái đưa tay mình lên giữ chặt lấy tay chàng khoảng khắc. Khoảng cách khá xa nên Bé không nghe thấy họ nói gì, nhưng cô gái buông tay ra và người con trai đưa bàn tay

qua khe áo vào vuốt ve ngực cô gái. Đến đây thì Bé hiểu trong truyện ngắn của ông nhà văn già, nếu bàn tay nhân vật nam không dính cát thì chuyện gì sẽ xảy ra kế tiếp. Thường thường đến đó hai kẻ lại hôn nhau tiếp, thật say sưa dưới các tàu lá chuối.

Với thời gian, Bé để ý mỗi lần gặp gỡ nhau ở đó, bàn tay người con trai lại lục lạo xuống thấp hơn. Và Bé chỉ thực sự xúc động buổi chiều nhìn thấy bàn tay ấy đưa hẳn vào phần dưới của cô gái. Bé không nhìn rõ bàn tay ấy làm gì nơi ấy bởi vì bụi cỏ nước ven bên kia rạch đã che khuất. Đêm đó Bé thực khó ngủ và khi vừa thiếp đi không lâu đã thức tỉnh vì tiếng kêu rên của mẹ bên kia vách gỗ. Buổi học sáng hôm sau trôi qua thật chậm chạp vì Bé chỉ mong đến giờ tan học để gặp ông già, kể cho ông nghe. Không, Bé không bao giờ kể hết mọi chuyện của mình, nhưng chỉ cần nói rụt rè và ngắn gọn thôi là ông hiểu ngay chuyện gì. Và khi Bé đang ngập ngừng kiếm lời nói cần thiết, thì ông già đã đứng dậy vươn vai cho đỡ mỏi và hỏi:

— Cháu đêm qua ngủ không được phải không?

— Sao bác biết?

— Dưới mắt cháu có quầng. Nhìn biết liền.

— Như vậy trông cháu xấu lắm hả bác?

— Không đâu. Nhiều phụ nữ khi trang điểm còn vẽ quầng giả cho hấp dẫn.

— Sao vậy bác?

— Vì đàn bà tối đến mà ngủ khi liền thì đàn ông chê chứ sao?

Bé không hỏi nữa vì Bé đã nhận thấy tối nào bố uống cà phê mà mẹ uống ké là đêm đó về khuya thế nào cũng nghe thấy tiếng mẹ kêu thất thanh bên kia vách.

Khi Bé lên lớp chín và ông già đã trồng đến mùa hoa thứ hai thì chuyện trục trặc xảy ra. Hôm đó trời hơi lạnh và nhiều gió, gió thổi ào ào trên cao. Bé thật vui. Vì không gian vì thời tiết và cũng vì trong thùng quà chót gửi về, anh lớn có bảo rằng bên xứ Úc, y khoa đã tiến kinh khủng và người ta đã làm được nhiều việc thần kỳ trong địa hạt chỉnh hình. Bé đã lựa một áo thun dài tay màu vàng và một quần jean mỏng màu nâu nhạt. Ông già bao giờ cũng biết thưởng thức những chi tiết ấy. Nhưng Bé khựng lại khi nhìn thấy cô gái trong vườn chuối bên kia rạch, học trên Bé hai lớp, đang đứng nói chuyện với ông già. Khi Bé tập tễnh chống nạng tới gần, cô gái cười thật tươi chào ông già rồi quay đi. Điều trục trặc là ông già ngưng xới đất, ngẩn ngơ nhìn ngắm bộ móng tròn căng trong chiếc quần jean đen đang lắc lư nhịp nhàng xa dần.

Bé bỗng dừng thấy mặt nóng bừng lên và cảm thấy một thứ ghen ngào. Bé biết chắc chắn là chẳng bao giờ ông già nhìn theo Bé như thế. Bé hỏi thẳng:

— Bác thích cô ấy lắm hả bác?

Ông già cười, tiếp tục thưởng thức phía sau cô gái đang đi xa dần:

— Cô ấy có thân hình đẹp lắm.

— Cô ấy là con cán bộ mà bác...

Ông già lại cười rồi dịu giọng khi nhìn thấy dáng điệu bất an nơi cô bé:

— Người đẹp thì không hề có mầu da, lập trường chính trị hay giai cấp nào hết. Đẹp là đẹp, vậy thôi.

— Cháu không hiểu.

— Dễ hiểu thôi. Để bác nói cho cháu nghe là từ xưa đến nay con người vẫn vẽ vẫn tạc tượng đàn bà khỏa thân, chính là vì vẻ đẹp thôi.

Bé biết ông già nói đúng. Trong tủ sách của bố ở nhà có hai tập tranh các họa sĩ nổi danh của Pháp vẽ phụ nữ khỏa thân, nhưng vấn đề không phải là chuyện ấy... Rồi mặc dù ông già vẫn thưởng thức bộ quần áo mới của Bé, bày tỏ tin tưởng ở khoa chỉnh hình xứ Úc xa xôi, Bé vẫn không thấy vui. Bởi thế, mặc mây xám xỉ đang kéo tới, Bé không đi thẳng con đường quen thuộc về nhà, mà quẹo sang trái đi tới ven con rạch. Ở đó Bé nhìn thấy ngổn trang gần như bỏ hoang. Bởi thế cơn mưa lớn đã chụp được Bé một cách tàn bạo.

Mẹ mở cánh cổng lao ra mưa dìu Bé vào, vội vã cởi quần áo ướt, lau khô người cho Bé. Mẹ đặt Bé ngồi tựa lưng vào vách, lấy khăn khô chà sát vai rồi hài vú cho Bé trước khi mặc cho Bé chiếc áo ngủ mầu xanh viền trắng, lấy hai sợi băng đỏ cột tóc Bé sang hai bên tai. Trong lúc mẹ bận bịu như thế, Bé kể không mạch lạc về những gì đã

xảy ra với ông già nơi luống hoa chạy dài theo lòng đường.

— Mẹ biết không, cái cô bác ấy ngấm say sưa là cái cô con cán bộ có bồ bên kia lạch ấy.

— Mẹ biết. Thỉnh thoảng mẹ có thấy con bé đó. Nó xinh đấy chứ. Gái Bắc mà được như thế là hiếm...

Tự dưng người mẹ ngừng nói, chăm chú nhìn qua khung cửa sổ nhỏ. Bé nghiêng người nhìn theo. Bé vừa kịp nhận ra bên kia rạch vẫn là đôi trẻ ấy thì thấy cô gái bỗng quì xuống, hai tay ôm vòng lấy chàng trai. Khoảng cách và lớp cỏ nước mọc cao không cho phép Bé nhìn thấy rõ chi tiết, nhưng đủ để Bé biết cô gái đang làm một việc mà trẻ nít khi chửi nhau thường hay văng ra. Mẹ không để Bé nhìn lâu, từ từ rút thanh chống ra, hạ cánh cửa xuống.

Chiều hôm đó Bé bỏ cơm và đến đêm thì lên cơn sốt. Đến khuya thì bố phải lấy xe gắn máy ra đi đón ông bác sĩ gia đình tới. Sau khi đã chẩn bệnh và chích thuốc, bác sĩ ra về, dặn mẹ chườm đá tiếp cho Bé trong nửa giờ nữa. Mẹ leo lên ngồi hằn trong giường cho khỏi muỗi và Bé thì thào:

— Ngày mai con sẽ báo cho bác biết là cái cô ấy xấu lắm dơ lắm. Dám...

Bà mẹ dịu dàng đưa chiếc khăn bọc đá lướt nhẹ hai bên thái dương cho Bé, nhỏ nhẹ:

— Mẹ nghĩ là con chẳng nên nói gì thì hơn. Bởi vì có nói cũng vô ích.

— Sao vậy mẹ?

— Bởi vì khi đàn ông đàn bà yêu nhau, người ta có thể làm cho nhau tất cả mọi thứ. Không có gì là xấu là dở khi yêu nhau đâu con.

— Thế mẹ có làm thế với bố không?

Bà mẹ cười khe khẽ rồi mới trả lời:

— Đôi khi thôi con. Khi nào bố tán mẹ gãy lưỡi ra đã...

Bé sững sờ trong khoảng khắc nhưng rồi chấp nhận. Có bao giờ mẹ nói dối Bé về những chuyện như thế đâu. Nhưng Bé không có thì giờ để ngạc nhiên lâu vì mẹ bỗng dừng hạ giọng xuống nói với Bé với một giọng khác thường. Không phải lối của một bà mẹ nói với con mà ngang hàng hơn, như một người nữ trưởng thành với một người nữ trẻ.

— Con nên nghe mẹ đây. Con tưởng ông nhà văn ấy già lắm rồi sao?

— Già chứ. Tóc ông tiêu muối hết trơn rồi.

— Hồi mẹ bằng tuổi con, mẹ thấy ông ngoại cũng già ghê gớm lắm. Bởi thế mẹ đã tức điên lên khi thấy ông ngoại ôm hôn cô vũ nữ hoa khôi của Văn Cảnh...

— Thiệt vậy hả mẹ?

— Ông ngoại đã cắt nghĩa cho mẹ và từ đó mẹ hiểu rằng trên năm mươi tóc bạc đàn ông không hề già. Và họ chẳng bao giờ quá già để hết mê những cô gái đẹp trên đời. Con hiểu chứ? Con hiểu tại sao mẹ bảo con chẳng nên

kể những gì con thấy chiều nay cho bác ấy biết làm chi. Chẳng thay đổi được gì hết đâu con.

Bé ngủ thiếp đi rồi mê sảng vào gần sáng. Vị bác sĩ lại được đón tới lần nữa. Bé bị sưng cuống phổi thôi, không cần phải đưa đi bệnh viện. Nhưng Bé khó bình phục một cách lạ thường. Mỗi khi cô bé tỉnh táo ngồi lên nuốt những thìa sữa và cháo, bà mẹ lo ngại khi thấy đôi mắt buồn bã của cô gái tật nguyền. Cô bé không muốn chống trả với bệnh, cô cứ chìm ngập trong một chán nản thâm kín. Bởi thế đến ngày thứ ba bà đã ngồi ra bàn trước cửa sổ nhìn xuống con rạch lầy lội mà viết thư cho nhà văn già. Bà kể đã đọc đã gặp đã biết ông ta như thế nào trong nhiều năm trong quá khứ trước khi nói mình chính là mẹ của cô bé gù mỗi ngày đi học về vẫn ngừng trước luống hoa. Bà xin ông ngày mai hãy đến thăm cô bé vào buổi chiều vì bé đau nặng và... Người mẹ ngừng lại một khoảng khắc khá lâu, vẫn vờ nhìn dấy cỏ nước và hàng chuối phía bên kia con rạch, trước khi cúi xuống viết những giòng chót xin ông già hãy làm tất cả những gì có thể làm được cho cô gái tật nguyền.

Ông nhà văn già không ngạc nhiên khi nhận được bức thư ấy. Là nhà văn thành danh từ đã quá lâu, ông đã từng nhận được những bức thư của những người nữ xa lạ, yêu cầu ông làm những điều dị kỳ hơn nhiều. Ông mỉm cười bỏ thư vào ngăn kéo khi nhớ lại nhiều năm về trước ông nhận được một bức thư của một người xa lạ từ trên cao nguyên.

Thiếu phụ ấy năn nỉ ông viết vài chữ xác nhận ông không phải là “*người tình đầu tiên*” của nàng. Lý do trong một lúc ghen tuông với chồng là một sĩ quan trên vùng đất đỏ, nàng đã phịa ra ông là người tình đầu. Bây giờ hai người đã hòa thuận, ông chồng lại khổ sở dần vật vì câu chuyện bịa của vợ...

Ngày hôm sau là chủ nhật, đến giờ hẹn, ông già tắm rửa, chải tóc cẩn thận trước khi mặc bộ quần áo của những tháng năm chưa phải đi cải tạo. So với thứ khó khăn ông đã phải trải qua khi viết bức thư “*giải oan*” tức cười để cứu nguy hạnh phúc một gia đình xa lạ trên cao nguyên ấy, thì chuyến đi thăm cô gái tật nguyền đang đau ốm này đâu có đáng gì. Ông chỉ hơi ngạc nhiên một chút khi tháo then cổng gỗ bước vào sân, ông thấy nhà không có ai. Tiếng cô bé vui vẻ cất lên chào và ông theo tiếng nói tiến vào.

Trước khi cùng cả nhà đi lễ nhà thờ, bà mẹ đã chuẩn bị thật kỹ càng mọi sự. Cửa sổ nhỏ được chống thẳng lên, ánh sáng buổi chiều tràn vào như một ô vuông đóng khung lấy bình hoa nhỏ đặt trên bàn. Cô bé được đặt ngồi trên giường tựa lưng vào tường, da mặt hồng hào và da thịt phần vai và ngực để hở cũng thế. Bà mẹ đã trang điểm cho Bé một cách nhẹ nhàng, như mọi khi bà vẫn làm khi hai mẹ con đi dự tiệc cưới của bà con bạn bè. Ông già ngồi xuống chiếc ghế trước bàn học, ngay cạnh giường. Ông châm một điếu thuốc, thở khói ra ngoài cửa sổ rồi mới hỏi, với giọng vui đùa quen thuộc:

— Này cháu, làm gì mà cứ nhìn bác như người lạ vậy?

— Tại bác lạ quá đi. Không giống bác mọi khi.

Ông già mỉm cười thông cảm. Từ biết bao tháng ngày cô bé này chỉ nhìn thấy ông trong y phục làm vườn tồi tàn. Một chiếc áo thun quân đội cũ đã úa vàng và lưng thủng lỗ chỗ. Một chiếc quần đùi may ở nhà hay một chiếc quần lính trận do chính ông vá đắp tùm lùm ở các trại cải tạo trên rừng.

— Bác cũng thấy cháu lạ lắm.

— Sao bác?

— Tưởng cháu ốm liệt giường lết bết kia chứ. Ai dè cháu xinh đẹp hồng hào như vậy.

Cô bé sung sướng cười. Và như thường lệ, ông già lại thưởng thức chiếc áo ngủ mới, khen mẫu đẹp tuy hơi hở nhiều da thịt và quá mỏng để ông có thể nhìn thấy khá rõ đường nét của cặp vú tròn và lớn — dĩ nhiên nhận xét sau cùng này ông giữ cho riêng ông. Ông tự lấy bình trà nóng đã pha sẵn rót ra chiếc ly duy nhất và không ngạc nhiên khi cô bé đòi uống chung một chút. Rồi câu chuyện diễn ra như thường lệ về mọi đề tài linh tinh. Đang tả cho cô bé nghe thủ đô nước Úc mà ông đã có lần tới buồn hiu như thế nào vào ngày chủ nhật, ông bỗng nhìn thấy đôi trẻ xuất hiện ở góc vườn chuối bên kia con rạch. Ông nhìn họ hôn nhau say đắm một lúc rồi mới nhận ra cô bé gù cũng đã nghiêng người nhìn ra ngoài như ông. Đến một lúc nào đó người trai đẩy người con gái vào thân cây chuối rồi quì

xuống gục đầu vào phần dưới.

Bây giờ thì ông già hiểu tại sao cô bé tật nguyên này có những hiểu biết chính xác về tình yêu nam nữ đôi khi làm ông phải ngạc nhiên. Đến một lúc nào đó ông chợt nhận ra sự im lặng bất thường trong phòng. Ông quay lại và nhận thấy cô bé đã tựa lưng vào vách và nước mắt chảy đầm đìa, từng giọt xuống phần ngực để hở, lăn sâu xuống phía dưới. Ông hiểu tại sao cô bé khóc, hay là ông cho rằng ông hiểu rằng bé biết bé chẳng bao giờ có một cuộc đời một người nữ bình thường, rằng bé mãi mãi là kẻ lạ, là kẻ bị loại trừ trong cõi đời này.

Ông nhà văn già rất thương phụ nữ và trẻ em. Ông chỉ dửng dưng với những đàn ông mà thôi. Ngay bây giờ cũng vậy, mỗi khi đạp xe đi ngoài đường thấy trẻ con đánh nhau, ông vẫn ngừng xe can thiệp và săn sóc đứa nhỏ bị đánh đau. Và có lần đang ngồi trong quán, thấy ông bố bên vườn hàng xóm đánh túi bụi đứa con gái bé bằng thanh tre lớn, ông đã nhảy sang can thiệp, giằng thanh tre vứt đi. Bởi thế lúc này ông thực lòng tìm cách an ủi cô bé tật nguyên. Ông đã sống quá nhiều, kinh nghiệm quá trải rộng để hiểu rằng khi một người nữ đang buồn khổ, không thể dùng một lý luận nào cả. Phản ứng tự nhiên của ông, do kinh nghiệm tích lũy, là đưa hai tay ôm lấy khuôn mặt đầm nước mắt. Ông vuốt hai ngón cái lên hàng mi mượt của cô gái để cô phải từ từ nhắm mắt lại cho ông dễ dàng lau nước mắt cho cô trên má. Ông không hề định hôn cô bé này, nhưng rồi

mọi sự cứ diễn ra rất tự nhiên.

Ông đã hôn lên môi cô bé. Mới đầu nhẹ nhàng để an ủi nhưng mỗi lúc đôi môi ấy nóng lên, mấp máy đầy quyến luyến. Thế rồi mọi sự lôi cuốn ông đi. Ông từ tốn dạy cho cô bé cách hôn, từ hôn hé miệng cho đến kiểu hôn ẩm ướt trộn lẫn vào nhau. Ông đã định chỉ ngừng ở khuôn mặt, ở đôi môi với chiếc lưỡi hồng nhỏ ấy thôi. Bấy nhiêu đủ để an ủi một trinh nữ đang buồn. Nhưng tới một lúc nào đó, cô gái tự dưng cầm bàn tay đang đặt trên vai cô, đưa xuống một bên vú. Khi đầu vú nhon căng cạ vào lòng bàn tay ông, ông bị lôi cuốn đi xa hơn. Ông mở vạt áo ngủ ra, ngắm nghía say sưa bộ ngực đẹp tuyệt vời căng phồng trước khi cúi xuống đưa môi phiêu du trên phần da thịt thơm ngọt. Rồi đến một lúc nào đó, bỗng dưng vú cô bé bỗng cong lên trong miệng ông trong một rung động cực điểm.

Ông già dịu dàng đặt trả cô bé êm ấm tựa vào vách, chặn gối cho thật tiện nghi. Đây chẳng phải là lần đầu ông đã làm một người nữ đạt tới khoái lạc cực điểm chỉ bằng đôi môi và bàn tay ông trên đôi vú mà thôi. Ông rót nước trà đầy một ly cho cô bé uống rồi tiếp tục nói thêm về những đề tài bình thường để cho cô bé đủ thời gian trấn tĩnh, trở lại trạng thái bình thường. Ông thật bằng lòng khi thấy ngoài đường đã lác đác những người đi lễ về. Ông đã đi vào buổi thăm viếng người đau này xa hơn mức dự trù như vậy là quá nhiều. Ông châm một điếu thuốc nữa, hút hết trước khi già từ. Khi gặp bà mẹ trở về ngoài con lộ lớn, ông

cười nhẹ nhàng báo hiệu là mọi sự đều tốt đẹp, bình thường.

Khi cô bé gù khỏi bệnh và lại chống nạng đi học, mọi sự đúng là bình thường. Cô bé vẫn ngừng lại bên luống hoa, vẫn nói chuyện lung tung với ông. Thân mật hơn, và chẳng ai nhắc xa gần gì đến chuyện đã xảy ra ấy. Ông chẳng bao giờ ngỏ ý muốn trở lại căn phòng vách gỗ nhìn xuống con rạch sinh lầy với vườn chuối phía bên kia. Cô bé vẫn chiều chiều loay hoay viết nhật ký, vẫn thỉnh thoảng nhìn ngắm cặp tình nhân âu yếm nhau đến tận cùng phía bên kia. Nhưng cô bình tĩnh hơn, bằng lòng hơn với mọi sự chung quanh.

Cho đến một hôm đi học về trên con đường quen thuộc, cô ngạc nhiên thấy một đám đông đang ồn ào xúm xít chặt nát cây bông giấy cổ thụ trước hiên nhà ông già. Cô tập tễnh len vào và được mọi người cắt nghĩa rất nhanh rằng gia đình này đã lên xe sáng nay ra phi trường đi Mỹ. Nhà phải trao lại cho Nhà Nước. Bởi thế bà con đến chặt cây bông giấy làm củi đun ít bữa trước khi có cán bộ ngoài Bắc đến ở. Một thanh niên vừa kéo một cành bông giấy sang luống hoa bên kia đường, vừa nói với cô bé:

— “*Dân cối*” (*) đâu có biết thưởng thức hoa. Chặt hết đi là phải. Cũng được mấy bó củi đun đỡ...

Cô bé tập tễnh rời đám đông tiến sang đứng nép bờ

(*) Dân Cối: chỉ chung cán bộ miền Bắc và gia đình vì họ hay đội nón cối (hiện nay nón cối chỉ còn xuất hiện ở miền Bắc mà thôi)

tường nhà bên cạnh. Cô lắng nghe những nhát dao chặt, cô nhìn những cây hoa ông già tung tiu biết bao bị đập nát dần, nát dần. Khi đám đông giải tán, cây bông giấy biến mất như chưa từng bao giờ có mặt. Lòng đường đầy những cành nhỏ và lá rụng tươi tắn. Lần này cơn mưa lũ lại chụp lên cô gái, dữ dội hơn lần trước. Và lần này cô không tập tễnh tìm đường về nhà như lần trước. Cô đứng đó, tê dại cho đến khi gia đình túa đi tìm ra cô, và chính ông bố phải bồng về vì cô không còn sức đứng vững.

Lần này cô bị sưng phổi nặng. Và dĩ nhiên là không còn gì trên thế gian này có thể cứu được cô nữa.

Nhiều năm tháng nữa trôi đi trên ngôi mộ cô bé cỏ đã xanh um từ lâu trong đất thánh không xa nhà, gia đình cô mới đến lượt được đi Úc đoàn tụ gia đình. Phải đợi đến đêm cuối cùng ở Việt Nam, khi cho cô gái hàng xóm chiếc nệm của cô bé vẫn nằm, bà mẹ mới khám phá ra cuốn nhật ký của cô dấu bên dưới. Bà vội vã cất đi, đợi đêm khuya khách đến tiễn đưa đã về hết, mới mang ra đọc. Bà đã khóc rất nhiều, nhưng khóc nhiều nhất vì đoạn cô gái ghi lại những gì đã xảy ra buổi chiều chủ nhật có ông nhà văn già đến thăm. Người bố, dù đang còn ngây ngất men rượu tiễn hành, cũng đọc và buồn. Sau cùng người mẹ nói:

— Dù sao con bé tội nghiệp cũng đã biết đến tình yêu rồi mới chết. Chúa đã thương nó hơn chúng ta tưởng.

Ông chồng đồng ý. Trong đêm khuya về sáng, một đêm không thể ngủ nổi ấy, họ đã đồng ý cùng nhau mang cuốn

nhật ký ra đốt nơi cửa sổ căn phòng của cô gái. Bà mẹ lại khóc một lần nữa. Bà chỉ chùi nước mắt, vứt tro xuống con rạch khi đã đến giờ đánh thức cả nhà dậy ăn sáng chuẩn bị ra phi trường.

Hai năm đầu ở xứ Úc cả gia đình bận bịu biết bao trong việc mưu sinh tự lập cũng như học hành. Thậm chí đến năm thứ ba cư ngụ nơi vùng đất mới, họ mới nhớ chuyện xưa cũ kịp thời để làm giỗ cho cô bé tât nguyên. Bà mẹ đã năn nỉ hai đứa con lớn phải kiếm ra bằng được hoa *cosmos* và hoa móng nước mang về tưởng niệm cô em đã chết. Nhưng họ chỉ kiếm được hoa *cosmos* nhiều màu khác nhau, không hề có màu vàng tươi như thứ đã mọc lên từ luống hoa chạy dài theo lòng đường của ông nhà văn già ngày nào tại quê cũ.

Khi cắm bó hoa ấy vào bình, bà mẹ bỗng dưng nói với chồng:

— Có lẽ mình nên báo cho ông nhà văn ấy là Bé đã chết. Và Bé đã yêu ông ấy.

Ông chồng đồng ý. Ông nhà văn ấy đã viết văn nhiều và lại nổi tiếng một lần nữa. Báo chí tiếng Việt xứ Úc thỉnh thoảng vẫn trích đăng lại một vài bài. Gửi một bức thư cho ông ta qua một tờ báo không phải là điều khó. Nhưng rồi hai vợ chồng cứ lần lữa rồi quên đi.

Điều đó cũng không sao. Tại phần đất phía bắc của đất nước Mỹ rộng lớn bao la, ông nhà văn vẫn tiếp tục trồng hoa vào mùa xuân để cho nở vào mùa hè. Ông vẫn trồng

như ở Việt Nam, bao quanh khu vườn rất rộng nơi ông đang ở. Hai năm đầu ông chỉ trồng được hoa *cosmos* ôn đới với các màu trắng, tím, hồng... Không có thứ màu vàng tươi của nhiệt đới Việt Nam. Mãi đến năm nay ông mới nhờ người quen từ trại tị nạn *Bataan* bên xứ Phi mang sang được ít hạt giống loại màu vàng mà ở quê nhà dân thường vẫn gọi là hoa sao nháy, và những đôi trẻ yêu nhau ở vùng Đà Lạt vẫn gọi là hoa cánh bướm.

Vào ngày giỗ của cô bé cử hành dưới nam bán cầu ấy, khi bố mẹ cô bàn tính tới chuyện viết thư cho ông, thì ông đang cúi húi sẵn sóc bụi hoa màu vàng ấy đang nở những bông đầu tiên. Không cần phải có bức thư nào cả, ông cũng đã biết từ lâu cô bé gù ấy đã yêu ông. Khi vin bông hoa mới nở to nhất xuống cà lên môi mình, ông dường như nhìn thấy rõ ràng từng nét khuôn mặt có hàng mi mượt dài của cô gái. Ông dường như thấy đôi môi nóng của cô mấp máy trong miệng ông, và khi ngậm hai cánh hoa vào miệng, ông còn hồi tưởng được mơ hồ đầu dây cơn bùng nổ khoái cảm đầy rục rịch của cô gái trong buổi chiều chủ nhật đã thật xa ấy.

OC 1987, CA, September 10, 2017

Ông đã già rồi. Bởi thế ông ý thức hơn bao giờ hết rằng đó là lần cuối cùng trên trần gian này ông được một người nữ yêu thương. Sau cô bé, sẽ không còn một ai khác nữa. Chỉ có một chi tiết ông không biết, đó là cô bé tật nguyền ấy đã chết cùng với luống hoa bị dẫm nát trong cơn mưa nhiệt đới tầm tã từ đã lâu lắm rồi. Nhưng điều đó sau cùng

cũng chỉ là một chi tiết thôi. Biết hay không cũng thế mà thôi vì ông vẫn tiếp tục trồng hoa như thế, suốt những năm tháng còn lại của ông trên cõi đời này.

TRUYỆN GIÀ CAO

Tôi chỉ được biết già Cao khi được anh em trong B. bầu làm bếp viên trong ban “*anh nuôi*” của trại cải tạo K.2 nằm trong vùng rừng của chiến khu D. cũ.

Dĩ nhiên trước đó tôi cũng đã quen mặt già Cao vì ông làm bếp trưởng và là một bếp trưởng dễ tính với anh em. Đôi khi tôi có thò cái lon gô câu vào bếp nấu ké, hay lấy cái sẻng dài xúc đại một mớ than hồng ra ngoài nấu nướng riêng, già cũng mặc kệ. Chỉ nói:

— Lẹ lên ông thầy. Không *ăng ten* nó bá cáo thì khổ cái thân già này!

Đám cải tạo viên gồm thiếu úy trẻ và trung úy già trong Khối này gọi ông là già Cao vì chẳng biết tuổi thật của ông bao nhiêu, nhưng bộ mặt lại nhăn nheo già trước tuổi. Bởi

thế lớp thiếu úy trẻ khoái chọc ông, thỉnh thoảng lại giả vờ trịnh trọng hỏi:

— Bác đã đến sáu mươi chưa nhỉ?

Để ông gồng người lên cãi, mắt lấp lánh đầy thật thà. Mặc dù ông xác nhận tới xác nhận lui là chưa tới bốn mươi lăm, cái tên gọi “*già Cao*” vẫn dính chặt lấy ông, gỡ không ra. Tôi thuộc lớp chuyển trại đến sau, thì ai sao ta vậy, lớp cải tạo cũ đã gọi ông là *già Cao* thì cứ thế mà gọi theo. Mặc dù đôi khi thấy khôi hài vì ông đâu có cao gì.

Tôi được cử đi làm bếp trong một trường hợp không vinh quang gì. Sau sáu tháng đi rừng, sức khỏe tôi bết bát quá rồi. Nếu được ăn no thì không đến nỗi, đằng này ăn đói đã quá lâu. Trại này cho làm khoán công tác, ai đạt chỉ tiêu trước thì nghỉ trước. Bởi thế đi rừng lấy cây lấy cột, lớp trẻ mười một giờ sáng đã xong thì lớp yếu sức như tôi có khi hai ba giờ trưa mới lết được về đến trại. Và sau hai lần về trễ như thế mà lại về tay không vì mệt quá không đủ sức vác cây về, anh em trong đội bàn tính đưa tôi đi làm bếp cho rồi. Cứ để tôi trong toán đi rừng, họ cứ phải bù sức riêng ra giúp đỡ tôi hoài.

Vào buổi sáng thôi đi rừng để vào ban bếp, tôi quả thực không vui. Trước hết tại tôi thích đi rừng vì đó là những khoảng khắc tự do nhất của đời cải tạo. Vệ binh chỉ vác súng đưa bọn tôi đến một chỗ nào đó thôi rồi mặc kệ chúng tôi túa đi các ngả. Chẳng dễ dãi như thế cũng không được vì mỗi đứa thường có một công tác riêng. Kẻ đi cắt tranh

phải ra trắng, người đi lấy cột thì vào rừng xa, người đi lấy sà nhà thì kiếm khu rừng thưa. Còn người nhận đi lấy mây thì lang thang tối đa, đi không biết bao nhiêu chỗ mới chặt rồi tuốt đủ số mây qui định. Có hôm tình cờ được đi cùng với một thiếu úy trẻ quen biết, anh bạn này nhận bao sân công tác của cả hai, làm tôi có thể được ngồi tựa lưng vào một gốc cây ngắm ánh sáng mặt trời buổi sáng đang tỏa xuống khu rừng thưa. Có lúc tôi thiếp ngủ, ngồi bất động đến độ khi mở mắt ra đã thấy mấy chú sóc chạy nhẩy ngay trước mặt. Đó là những lúc đi rừng. Khi về đến trại, trao cây cột, sà ngang hay mây tranh cho ban mộc xong là có quyền phóng đi tắm rửa rồi làm gì thì làm. Còn làm bếp thì phải kiêm luôn tiếp vận, bận linh tinh tối ngày.

Tôi còn một lý do nữa để không thích đi làm bếp. Đó là tự ái của một đàn ông. Từ nhỏ đến lớn lúc nào tôi cũng tự hào là có thể làm được bất cứ nghiệp vụ gì, công việc khó khăn hay nguy hiểm nào. Tôi không chọn binh nghiệp nhưng khi bị động viên tôi đã chọn bộ binh, và trong thời kỳ làm trung đội trưởng, đại đội phó rồi đại đội trưởng, tôi đánh nhau tá đả ngày đêm với kẻ địch. Đâu có nhiệm vụ lạnh căng rung chân nào mà tôi không làm được. Ở trại cũ, tôi thường tình nguyện đi lao động nặng để được ra khỏi trại ngắm trời ngắm đất ngắm mây. Có lần phải đi tháo vĩ sắt sân bay, khênh lặc lè té lên té xuống, trầy cả chân tay, tôi vẫn thú vị như thường. Ngay khi phải dọn kho đạn, chuyển tay nhau những trái đạn súng cối, lựu đạn đã rỉ sét,

các chốt an toàn coi bộ không còn bảo đảm, tôi vẫn tỉnh như không. Vậy mà mới đến năm thứ hai của cuộc đời cải tạo, tôi đã bị loại ra khỏi thành phần khỏe mạnh bình thường. Bị thiên hạ xếp vào loại già yếu, tôi cảm thấy buồn. Sao chưa chi mình đã già rồi...

Già Cao đón tiếp tôi vào ban bếp với một thái độ thiện cảm tối đa. Tôi thuộc thành phần nhiều chữ nghĩa trong đầu trong khi già Cao lại giản dị và ít học. Ông thuộc thành phần nông dân của miền Bùi Chu Phát Diệm di cư vô Nam, học lực cỡ Tú Tài rồi đi làm công chức khiêm tốn trong một quận hành chánh của Sài Gòn. Ngoan đạo tối đa, lấy vợ để con êm đềm, dành dụm tiền xây được một ngôi nhà gạch nhỏ trong một xóm đạo của vùng ngoại biên. Cuộc đời ông hẳn cứ trôi qua trong khiêm tốn như thế cho tới ngày con cái đưa ông ra nằm yên nghỉ vĩnh viễn nơi đất thánh của họ đạo, nếu không có chiến tranh thấy ông lên vùng rừng xa lạ này.

Người xưa thường có nhận định rằng đôi khi những người trái ngược nhau lại dễ chơi với nhau. Tình bạn giữa tôi và già Cao có lẽ nằm trong trường hợp này. Toán bếp chia làm bốn phiên mỗi phiên hai người thì già Cao nhận tôi vào phiên của ông. Và ông vất vả liền vì tôi. Già Cao nấu bếp giỏi — nếu không giỏi chẳng ai chịu để ông làm bếp trưởng — nhưng tôi thì quả thật không biết gì về bếp núc. Tất cả khả năng nấu nướng của tôi tới lúc đó chỉ bao gồm thực đơn sau: biết đun nước sôi và biết chiên cơm. Bởi

thế khi luộc rau kho cá, già Cao cũng phải chỉ cho tôi là để rau chín tới độ nào là phải vớt, kho cá, thường là cá khô, đến mức nào là được. Quan trọng nhất là khi nấu cháo cơm cho Khốì thì già Cao phải có mặt để quyết định thêm lửa hay bớt, lúc nào thì dậy nắp chảo ủ cơm, rút củi để thạn. Rút cục tôi thành một thứ “*thợ vịn*” cho ông, nghĩa là tôi đi vo gạo, rửa rau, rửa cá và đẩy những cây củi rừng to bự vô bếp lò. Với thời gian, tôi có tiến bộ, nhưng cũng chỉ được tín nhiệm trong việc đun nước sôi cho anh em uống, luộc rau... là hết.

Ngoài việc bếp núc như thế, ban bếp phải lo chuyện tiếp vận luôn. Ở cái trại cải tạo này điều đó có nghĩa là lo lãnh đồ khênh đồ rất nhiều, không những cho cải tạo mà còn cho cả cán bộ. Mỗi sáng một phiên bốn người đi lãnh một bao gạo trên kho của tiểu đoàn, ráng cười tươi với bộ đội quản kho — về điểm này thì già Cao khéo lắm — để được phép lựa bao nào to nhất, nghĩa là ít bị hư hao so với số ký lý thuyết của mỗi bao. Khi những vật dụng linh tinh khác từ dưới đồng bằng gửi lên tới nơi, thì các ban bếp chia nhau lên bốc dỡ, rồi khênh đồ về.

Tôi rất khoái những vụ đi lãnh đồ về cho trại, nhất là nếu đó là những thứ sẽ được phát cho cải tạo sau này như sà bông, thuốc rê thuốc lào, đường. Cứ hai người một đòn xóc một cần xé là đi thôi. Khi đến kho trung đoàn là nằm ngồi ngổn ngang đợi giờ lãnh, tha hồ gặp gỡ bạn bè, cũng ban bếp, của các trại khác. Vào những lúc đó tôi tin rằng

cái đám nam nhân quần áo trần vá chằng đụp này ồn ào không thua bất cứ một buổi hội họp nào của các bà các cô. Đủ các chuyện tào lao. Chưa kể, dăm khi mười họa thôi, toán khênkhê đồ cũng được hưởng một chút lộc. Thí dụ như lần đi khênkhê đường về, sau khi chia cho các đội xong, thì tôi và anh bạn trẻ cùng khênkhê được phép hưởng những đường chảy nước bám vào thùng đựng. Hai đứa chia nhau bóc những mảnh giấy có dính đường, đưa lên miệng liếm.

Cực nhất là phiên nấu cháo buổi sáng. Cứ ba ngày lại đến phiên phải dậy từ ba giờ sáng. Thường thường là già Cao phải mò đến đánh thức vì tôi ngủ say lắm. Tôi mắt nhắm mắt mở phóng xuống đất hút một điếu thuốc lào đầu tiên, phê đã đời rồi mới lò dò thấp ngọn đèn bão nhỏ, đi băng qua sân rộng lớn xuống bếp. Đêm trước, trước khi đi ngủ tôi thường múc nước sẵn đầy chảo, xếp củi và dăm bào lấy từ ban mây tre lá vào lòng lò đất sẵn sàng. Sáng sớm, già Cao chỉ việc bật một que diêm thôi là bếp cháy liền. Khi tôi xuống, tôi chỉ còn việc mang gạo ra giếng vo, một công việc phải làm cẩn thận tối đa vì ai cũng đói cả, phải bốc đúng sắn thôi, không phí một hạt gạo nào hết. Đã thế phải ngăn chặn nước vo gạo lại để ban chăn nuôi sử dụng nấu cháo cho heo. Tôi lủi thủi một mình cạnh giếng ven trảng, thỉnh thoảng mới có một anh bạn bị phù, lội dụng trời tối, rón rén đến gần xin một lo gô nước vo gạo. Tôi bao giờ cũng cho vì biết già Cao là người tốt, chẳng nỡ bá cáo chuyện vi phạm nội qui ấy của tôi. Tôi đã từng bị phù rồi,

đoạn trường đã qua cầu, đương nhiên thông cảm với người khác.

Khi đang nấu ăn, tôi cũng bắt chước già Cao trước đây ở điểm bưng bễ nào xin câu gô vào bếp hay xin một xẻng than, tôi cho liền. Việc đẩy thêm củi mới vào, coi lại lò gây than mới không gay go gì nhưng nhiều người làm bếp không dám cho chỉ vì nội qui không cho phép. Thậm chí nội qui còn đòi hỏi ban bếp phải đuổi tất cả những người không phận sự ra khỏi bếp nữa. Không những tôi đã không đuổi ai, đang luộc rau mà có ai xin một gô nước, tôi nhìn quanh không thấy ai đáng mặt ăng ten, là cho múc lên.

Già Cao không hề phiền lòng về những chuyện vi phạm tùm lum nội qui nấu bếp ấy của tôi, mặc dù có lần đi họp trên tiểu đoàn, ông đã bị cán bộ đưa cho về chuyện đó. Khi trở về, ông chỉ bảo tôi:

— Này ông thầy (kể từ ngày biết nhau, ông vẫn gọi tôi là ông thầy), thầy cho ai nước gạo nước rau thì cẩn thận cho. Ăng ten nó mách rồi đó nghe.

Không than thở một lời nào khác.

Già Cao cũng không phiền lòng về chuyện tôi quá kém tài nấu nướng. Ông thích nấu bếp. Lâu lâu một lần trại mổ heo, hoặc được phép đi chợ xa mua thực phẩm cho cả khối, thì già Cao vui thích vô cùng bởi vì có nhiều đồ cho ông nấu nướng. Nhưng những dịp được trở tài như vậy khá hiếm hoi trong thời kỳ cải tạo chưa được phép tiếp thân nhân lên thăm nuôi. Tôi đói dài ra thì đành chịu chết, già Cao thì

không. Một buổi trưa tôi lên nhận phiên thì thấy ông đang ăn bát cơm khẩu phần với một soong thịt nhỏ. Ông đẩy ra mời tôi ăn cùng. Dĩ nhiên là tôi phải nghi ngờ — ông lấy thịt đâu ra vậy — bởi thế đã hỏi là thịt gì. Khi ông trả lời là thịt chuột thì tôi khựng lại. Tôi gấp một miếng đưa lên ngửi: dù thịt có thơm mùi ngũ vị hương thật, nhưng mùi chuột vẫn còn. Tôi không ăn nổi thịt chuột với già Cao, cũng như không biết ăn thịt rắn nướng trui — bắt được rắn, không rửa không lột da gì hết, cứ chặt từng khúc, vớt vào lửa, lấy ra bóc da ngoài rồi ăn liền. Sau này khả năng tiến lắm, tôi mới chỉ tới chỗ biết ăn rắn cà-ry thôi.

Bởi vậy vào thời kỳ đói kém tối đa ấy, tôi chỉ còn trông cậy vào những bạn trong khối đau ốm bất ngờ. Danh sách người bệnh trong ngày được thông báo khá sớm để ban bếp lấy khẩu phần gạo của người ấy ra nấu cho một nồi cháo trắng ăn nguyên ngày. Khi cháo chín, tôi có nhiệm vụ mang đến tận lán cho người bệnh và khi trao đổi dăm ba câu lật vạt, tôi thường xin bệnh nhân cho tôi phần măng luộc của đương sự vì lúc đó đang mùa măng mọc của vùng rừng này. Khi chia phần măng luộc đến tận từng bàn trong phòng ăn tập thể, tôi giữ phần măng của người bệnh lại, ăn thêm cho đỡ đói. Nhưng đôi khi cũng xui, không được hưởng phần măng ấy vì bệnh nhân đã hứa cho một người bạn khác.

Ăn uống thiếu và lao động cực như thế không có nghĩa là đám cải tạo này không vui sống. Về sau này ra hải ngoại tôi đọc nhiều hồi ký của các bạn cũ, thấy đa số hay cường

điều quá mọi sự, quá ham tố cộng nên nhiều khi bóp méo cả thực tế. Cái khổ cái đói cái hành hạ, những tác giả đó không bịa đặt, nhưng điều cần nói là dù có thế, các cải tạo đa số không phải là những kẻ mặt mũi lúc nào cũng cúi gằm xuống vì tủi nhục, vì uất hận vì căm hờn “*lũ cộng nô, ác ôn cộng phi*.” Bọn tôi ráng ép mình vào kỷ luật trại, lao động đủ mức, học tập đúng giờ, nhưng vẫn thấy mình là mình, vẫn tin nơi tư cách làm sĩ quan quân lực miền Nam của mình. Bọn tôi vẫn ngẩng cao đầu (dù bị mắng là “*ngạo mạn*” hoài), vẫn cười dỡn với nhau, và sến một chút, có tí trà tí cà phê là “*mở quán*” tụ họp nhau nói chuyện xưa, chuyện vợ con ào ào. Bọn tôi hiểu sâu xa rằng nếu bọn tôi cúi gằm đầu xuống mà than thở tới ngày, nước mắt ngắn dài, thì các quản giáo, các vệ binh hẳn sẽ thích thú lắm. Họ thắng bọn tôi về quân sự và chỉ có thắng về quân sự mà thôi.

Hơn nữa, càng đi cải tạo lâu bọn tôi càng hiểu các quản giáo các vệ binh đa số đều đáng thương. Họ là thành phần bị áp bức nhiều năm rồi ngoài miền Bắc, bản thân cũng như gia đình nghèo xác nghèo xơ. Nay nhờ được quan hệ với cải tạo, họ lén buôn bán đường và đôi khi cả rượu nữa để có tiền mua lại áo quần dân sự cải tạo mang theo và những vật dụng linh tinh khác. Nhìn nét mặt sung sướng của họ khi mua lại được chiếc áo chiếc quần hay đồng hồ cũ ưng ý, bọn tôi đều hiểu rằng trong cuộc nội chiến vừa qua, được hưởng thành quả của thắng trận 75, không phải

là những con người tội nghiệp này.

Một đêm tôi nhớ là mới thức tới khá khuya với đám bạn trẻ trong đó có một người mới nhờ được vệ binh mua giùm ít thực phẩm để “*mở quán*” mời tôi làm “*khách danh dự*”, thì đã bị già Cao mò tới đánh thức:

— Dậy đi ông thầy. Gà gáy rồi.

Cả hai đứa đều không có đồng hồ, căn cứ tiếng gà tiếng chim bóng mặt trời mà liệu chừng công việc thôi. Đồng hồ tôi khá tốt, nhưng đã trao cho vợ để nàng có chút gì dự trữ cho trường hợp con cái ốm đau bất chợt. Đồng hồ của già Cao thì thường thôi và cũng đã bán rồi. Già cho tôi vay năm đồng và tôi đã dùng số tiền này mua sắn luộc nóng hơm được cử đi xa làm đường — chưa bao giờ tôi ăn sắn luộc mà ngon đến mức như thế!

Nhưng khi cháo đã sôi, chảo nước uống cũng sùng sục đã lâu, hai đứa mới khám phá ra bốn bề vẫn im vắng. Tôi cho rằng già Cao đã nghe gà gáy hoảng, nghe gà gáy trong mơ chứ lúc đến đánh thức tôi, mới chỉ mười hai giờ đêm là cao. Mới đầu già không chịu, cãi hoài. Nhưng khi cháo đã nhừ, chảo nước sôi bốc khói nghi ngút mà bầu trời vẫn cứ tối đen, già mới chịu là đã nghe “*gà gáy trong mơ*.” Già xuống lán lấy chiếc võng lên treo giữa hai cột bếp nằm đu đưa đợi trời sáng. Còn tôi thì lấy bao tải ra trải ngay trên đất trước bếp lò — lúc đó còn mùa đông, trời lạnh. Tôi nằm dài ra đất và tới một lúc nào đó tôi cảm thấy một cảm giác an bình kỳ lạ. Quá khứ kể như đã qua rồi, hiện tại có muốn

lo cho vợ con cũng chẳng lo được, tương lai thì mù mịt, đoán cũng chẳng ra. Thân đang ở trong trại cải tạo sẵn rồi, chẳng lo chính quyền Cộng sản bắt nhốt tù như những người dân thường “*bên ngoài*.” Tôi cứ nằm đó, êm đềm hưởng thứ gió lạnh từ ngoài trắng thổi vô lưng trong khi hơi nóng từ bếp lò đỏ rực than tỏa ra sưởi ấm mặt trước.



Những người bạn trẻ trong ban bếp khai thác ngay sự kiện già Cao đã nghe “*gà gáy trong mơ*” trên. Họ vừa làm việc vừa thêu dệt các lý thuyết khác nhau để chọc già Cao vì tính già chất phác, dễ tin người. Một thiếu úy từng học Tâm lý học ở Đại học Văn khoa đã đưa ra lý thuyết “*dồn nén*” thêu dệt rất cầu kỳ. Anh bảo già Cao đã bị dồn nén tính dục đến mức độ nguy hiểm nên mới lần giấc mơ với hiện thực như vậy. Một cậu khác bèn kê toa thuốc rằng già Cao phải cách nhật... thủ dâm một lần, nếu không nghe thì hỏa nó bốc lên đến đỉnh đầu là hết chữa. Tẩu hỏa nhập ma là cái chắc, sẽ lang thang vô rừng lạc mất tích không nhìn thấy mặt vợ con...

Khi đã chán chuyện mang lý thuyết dồn nén ra áp dụng cho già Cao thì lớp trẻ hướng mũi dùi về bà vợ của già. Già hay nhắc đến vợ nên lớp trẻ bèn hù dọa là các bà vợ chỉ chịu đựng được thiếu thốn sinh lý tối đa là hai mươi bảy tháng thôi. Họ tuyên bố khẳng định rằng chỉ còn từng này tháng nữa thôi là già Cao sẽ mọc sừng. Khi già tức quá, cãi

rằng vợ ông đã già, trên bốn mươi rồi thì lớp trẻ nhâu nhâu xoay sang chuyện “*hồi xuân*,” miêu tả chi tiết tuổi hồi xuân với những chữ khoa học Anh Pháp Việt đủ cả. Già Cao bán tín bán nghi, quay sang hỏi “*ông thầy*” là tôi, thì tôi một phần vì kiến thức đã có, một phần vì muốn về hòa với lớp trẻ để chọc ông bạn già, đã gật gù tán đồng. Để rồi cùng tất cả cười thầm trước vẻ mặt đăm chiêu lo ngại của ông già bếp trưởng.

Đến ngày già Cao được thăm nuôi thì một huyền thoại mới được tung ra. Khi hết giờ thăm nuôi, ban quản trại yêu cầu tất cả cải tạo lẫn thân nhân phải ra cổng để chia tay thì một cơn mưa rừng chập xuống. Trời đất xám xịt. Quản trại đành phải để mọi người chạy ngược lại vào khu thăm nuôi để chờ mưa tạnh. Lớp trẻ bèn khẳng định là già Cao đã dẫn được bà vợ chạy vào núp riềng ở một căn trống và đã làm tình cấp tốc thành công trước khi mưa tạnh. Dĩ nhiên là già Cao gồng người lên mà cãi, nhưng huyền thoại vẫn cứ tồn tại bởi vì cái lũ đàn ông ồn ào này đã xa cách phụ nữ lâu quá rồi, bị dồn nén tối đa, nên khoái lấy ước mơ làm hiện thực... cho đỡ thêm khát.

Khi mục *sex* đã nhàm chán thì lớp trẻ xoay sang đề tài tôn giáo. Già Cao không biết ngoan đạo tới đâu nhưng rồi đến một ngày nào đó được anh em gọi là “*đại hiệp sĩ Hố Nai*.” Không biết cái danh hiệu này có hại nhiều hay ít đến cuộc đời già Cao, nhưng cái tính chất phác của ông đã đưa đến một sự kiện nhân một ngày lễ, tất cả lên học tập ở Hội

trường, ông đã đứng ra thay mặt hơn một ngàn cải tạo để “*hạ quyết tâm thư*.” Khi nghe ông đồng đọc dần từng chữ bản quyết tâm thư, lớp trẻ ở dưới thở dài khao nhau:

— Thôi chết rồi, già Cao đi năm năm là cái chắc!

Sở dĩ họ nói vậy vì đã bắt đầu có kinh nghiệm về cuộc sống cải tạo: Ai mà được ban quản trại cho chức vụ lớn, thì thường là phải đi cải tạo lâu. Ấng ten lại càng lâu hơn nữa. Cán bộ cho rằng những người đó dễ tin cậy vì “*càng biết mình nặng nợ máu với nhân dân, lại càng hết sức lo lập công chuộc tội!*”

Như thường lệ, chuyện chuyển trại được công bố thật bất ngờ, và lần này tôi lại có tên trong danh sách những người phải đi. Ban bếp vốn có khả năng ngồi lê đôi mách như mấy bà nội trợ nên được biết tin ngầm rằng những người chuyển trại lần này sẽ được đưa về gần Sài Gòn hơn. Tôi khá tin ở nguồn tin hành lang này nên đến chiều hôm ấy, khi được gọi lên bếp, tôi đã từ chối không nhận gói cá khô do già Cao tặng. Từ khi được thân nhân thăm nuôi, thức ăn của cải tạo khá hơn xưa, nhiều người đã chê món cá khô dọn ra tại phòng ăn chung, làm ban bếp cứ phải đổ đi hoài. Vốn giữ được bản tính cần kiệm của nông dân châu thổ miền Bắc, già Cao dặn tôi là giảm bớt số cá nướng hay cá kho (với nước và muối) mỗi ngày đi. Bởi thế chiều nay già Cao mở kho tặng những bạn chuyển trại mỗi người một gói cá khô. Tôi lác quan tếu, nghĩ rằng gần Sài Gòn hơn hẳn để có thực phẩm hơn trên rừng, nên từ chối không nhận.

Một người bạn khác nhận luôn cả hai phần.

Ai dè nguồn tin của tôi đúng một cách khá cay đắng. Đúng ở điểm trại mới gần Sài Gòn hơn thật, nhưng trại lại do Công an quản lý với một chế độ hà khắc hơn các trại của quân đội miền Bắc nhiều. Ở cái trại mới này tôi bị dũa thê thảm hoài và dĩ nhiên lại có mục không có gì mà ăn. Thấy tôi thiếu thức ăn như vậy, một người bạn cũ cùng chuyển trại đã thỉnh thoảng lại tặng tôi một con cá khô nướng. Tôi ăn ngon lành và khi hỏi anh bạn làm sao có lắm cá vậy thì anh cười:

— Cá của già Cao tặng mà anh đã chê không nhận ấy, anh còn nhớ không?



Sau khi tôi được tha về đã bốn năm, mới thấy già Cao quần áo sạch sẽ chỉnh tề mở cánh cửa dẫn vào hàng hiên nhà tôi. Hai đứa gặp nhau mừng rỡ và dĩ nhiên sau vài phút hàn huyên là kéo nhau ra quán cà phê gần nhà. Và cho tới tận giờ phút này tôi cũng chẳng hiểu tại sao già Cao lại phải đi cải tạo lâu đến như thế. Cuộc đời ông hiền lành như củ khoai chấm mật, sống trong trại thì chẳng bao giờ vấp vấp điều gì, tại sao án lại nặng đến như thế.

Vì nhà già Cao ở ngay một xóm đạo ngoại biên không xa khu tôi mấy nên già đến thăm hoài. Còn đối với tôi, có ông bạn già này làm bạn hay không vẫn cứ thế thôi. Tâm hồn phức tạp của tôi bây giờ đã có cả đồng sách báo miền

Bắc làm thực phẩm — tôi tò mò muốn biết kẻ thắng trận đã nhốt tôi nhiều năm ấy thực sự là thế nào — nên lối nói chuyện chất phác giản dị về những sinh hoạt thường nhật của già Cao không làm tôi thích thú cho lắm. Bây giờ tôi có những bạn mới cùng trình độ văn hóa để bàn luận, chưa kể một vài bạn trí thức đã từng theo Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam nay trở về như kẻ thắng trận, nhưng vẫn duy trì tình bằng hữu cũ. Nhưng già Cao vẫn thăm viếng đều vì lý do nghề nghiệp: già bán vàng của vợ đi (người gốc nông dân nào cũng có tài giữ lại một đồ gì bằng vàng, dù đổi đời kiểu gì chẳng nữa) mua một chiếc xích lô, hai bố con chia nhau đạp.

Chính cái nghề xích lô này đã làm hai bên chơi với nhau tiếp và mỗi ngày một thân hơn. Nhiều buổi sáng, chạy xong chuyến xe mở hăng là già Cao tà tà đạp qua tôi, ngừng xe hô lớn:

— Mời thầy lên xe em chở thầy đi uống cà phê!

Dĩ nhiên là tôi vui vẻ ra liền, leo lên xe đến một quán cà phê quen. Già Cao bao giờ cũng tế nhị mua cho tôi một hay hai điếu thuốc lá để tôi hút kèm với ly cà phê — tôi thường chỉ hút thuốc Lào sau hai điếu thuốc này. Đến ngày giỗ lớn hay có dịp gì vui, già mời tôi đến nhà ăn cơm. Những bữa cơm đủ thịt cá linh đình nhưng nấu theo kiểu nông thôn của miền Bắc xưa kia. Bởi thế tôi mới biết nhà của già Cao cũng như các thành phần của gia đình già — một thành phần tăng nhân số đều đặn. Kể từ khi được tha về, tôi có

cảm tưởng hầu như bà vợ năm nào cũng sinh thêm con vì mỗi lần đến chơi, thấy bà không có bầu thì cũng bỗng con nít bé xít.

Già Cao và gia đình lúc nào cũng dành cho tôi sự kính trọng truyền thống của nông dân đối với kẻ dạy học. Và tôi cũng từng có lúc lợi dụng sự kính nể ấy để can thiệp vào gia đình của bạn: già Cao được giáo dục từ nhỏ là “*vợ con chúng nó thuộc về mình,*” muốn đánh lúc nào thế nào cũng được. Có lần đang xoắn tóc vợ mà tát, con lớn xông vô can, già đã nóng tính quơ cái ly đập chảy cả máu đầu con ra. Tôi không chấp nhận được tình trạng ấy nên can ngăn thẳng thừng. Muốn cho lời can có hiệu lực, tôi khẳng định rằng ở Mỹ — nơi hai đứa tôi đang mơ tới định cư một ngày nào đó — đánh vợ con như thế là bị cảnh sát còng liền, nhốt tù chắc chắn.

Già hứa với tôi là sẽ bỏ thói đánh vợ con. Một buổi sáng già nhẩy xuống xích lô, tay cầm chiếc bánh tráng tiến vào hàng hiên, mời tôi ăn cùng. Hai đứa tì lên thêm tường hiên, vừa bẻ bánh tráng ăn vừa nói chuyện. Già kể hôm qua nổi cơn nóng dữ dội, nhưng nhất định không đánh vợ con. Nhưng chịu không nổi nên đã ra vườn sau túm cỏ cả sáu con vịt đang nuôi cắt tiết một loạt luôn. Dĩ nhiên già mời tôi buổi chiều đến ăn sáo vịt, và nhờ dịp này tôi mới khám phá ra già Cao hay uống thứ thuốc hưng phấn do một người quen lấy từ một dưỡng trí viện ra cho. Già khoe nhờ thuốc này nên đạp xích lô sung lắm. Dĩ nhiên già không quên

tặng tôi ít viên và khi tôi uống thử thì chỉ nửa giờ sau đưa con cứng chỉ phạm một lỗi nhỏ, tôi đã quát lên một tiếng. Cả nhà, từ vợ đến con cùng giương mắt lên ngạc nhiên vì từ bao năm tôi quen tự chủ, có bao giờ quát hay la ai to tiếng... Dĩ nhiên tôi vội vàng can già Cao ngưng uống ngay thứ thuốc viên tai quái ấy, trước khi nạn nhân của sự hưng phấn quá độ không phải chỉ là mấy con vịt.

Già Cao chất phác như thế nên già tin chắc nịch vào vụ đăng ký đi Úc đang đồn đại ào ào ở Sài Gòn thời kỳ ấy. Theo tin đồn này, chỉ cần điền vào đơn xin đi Úc là xong vì hai chính quyền Việt Úc đã thỏa thuận cho di dân bớt sang tiểu bang Queensland làm hầm mỏ và khai hoang. Già Cao trình trọng mua giùm mẫu đơn mang đến tận nhà cho tôi. Tôi đã không cảm ơn thì chớ, còn gồng người mang sự hiểu biết về Tây phương ra mà kết ông bạn già vào tội một lần nữa “*nghe gà gáy trong mơ*.” Mặc dù thế, hai tuần sau, vào lúc mười một giờ đêm, già còn cho con đạp xích lô tới mời tôi sang ngay. Tôi bèn đến và được ông bạn già chia cho coi một danh sách những người sẽ được xe *bus* đến đón lúc hai giờ đêm nay, đưa thẳng ra bãi Sau, lên tàu há mồm của Úc đang đợi sẵn. Già bảo:

— Em quý thầy lắm nên mới đón thầy đến đó nghe. Thầy cứ điền tên vào cuối danh sách này đi. Còn kịp...

Tôi vui tính nhận lời nhưng cũng thận trọng biên tên người trong gia đình ra một tờ giấy rồi nhờ già Cao chép vào danh sách kia sau — để phòng Công an có túm được

danh sách này, thì cũng không có thủ bút của tôi.

Dĩ nhiên chẳng có một ai được đi Úc bằng tàu há mồm cả. Chính quyền Cộng Sản Việt Nam sau cùng cũng đã bắt được tổ chức in đơn đi Úc bán cho bà con lấy tiền ăn nhậu lai rai. Tòa án địa phương xử những người này cũng nhẹ, chỉ vài ba năm tù thôi, còn những người nhẹ dạ đã đăng ký bữa bãi, thì “*tha không hỏi tội.*” Dân chúng thì chẳng oán hận gì ai cả, vì những “*kẻ buôn ảo mộng*” ấy lấy có chút đỉnh tiền mà mang lại cho bà con giấc mơ xứ Úc gần cả hai năm trời, thì “*cũng tốt thôi.*”

Không biết có phải một trong những đặc tính của dân Việt Nam trong lúc khốn cùng là sống trong mơ, tin tưởng ở những hoang tưởng hay không, nhưng chỉ một thời gian sau Sài Gòn và cả miền Nam lại lên cơn sốt lần nữa. Một buổi sáng già Cao đến hơi sớm, thấy tôi lên xe đi ăn sáng. Vừa đạp xe già Cao vừa khoe mới khám phá ra một quán trong hẻm chùa bán hủ tíu bò kho vừa rẻ vừa ngon. Quán bày bàn ghế ngay bên lề đường, trên che một chiếc bạt cũ rách, khách ngồi ngay trên những ghế gỗ thấp lùn xùn, nhưng tô bò kho thật “*chất lượng,*” nhiều chất béo thật. Sau này nhìn lại tôi hiểu rằng quán đó thấu những đồ thừa của những nhà hàng lớn trung tâm du khách quốc tế, mang về chế biến lại thôi. Nhưng ngon vẫn cứ là ngon.

Ăn xong, ra quán cà phê do bộ đội đực tướng thành của Nhảy Dù ra mà bán, già Cao mới kể cho biết tin “*Mỹ sắp bốc cải tạo.*” Nguồn tin này nhấn mạnh ai còn cải tạo trên

trại sẽ được trực thăng Mỹ đáp xuống tận sân trại, bốc đưa thẳng ra hạm đội Mỹ. Còn gia đình và những cải tạo đã được tha về rồi, thì cứ việc ngồi nhà đợi xe *bus* đến đón — dĩ nhiên để lại đưa ra Vũng Tàu xuống tàu há mồm đợi sẵn. Hẳn viên kỹ sư nào vẽ ra những chiếc tàu đáy bằng dùng để đổ bộ trong đệ nhị thế chiến ấy không thể ngờ rằng sau này tàu mình vẽ đã biến thành đôi cánh thiên thần ước mơ đón những kẻ bất hạnh Việt Nam lên thẳng “*cõi Thiên đàng*.” Nhiều người còn nhấn mạnh là sang đến Mỹ là được Mỹ trả lương truy lãnh những năm tháng đã phải đi cải tạo, cấp bậc nào lãnh theo cấp bậc đó. Mỗi cải tạo vừa tới phi trường Mỹ đã có các hội đoàn quân nhân Mỹ Việt ra đón, đeo vòng hoa; diễn văn chúc mừng xong là được trao ngay một chùm chìa khóa nhà mới (tiểu bang Cali đã xây xong mấy chục cư xá sẵn sàng!) và xe mới... Kể từ đó đến lúc lìa cõi đời, là Mỹ nuôi dài dài, không những bản thân mình mà tất cả vợ con luôn — cứ việc ăn chơi thôi, khỏi phải làm gì hết.

Không phải chỉ một mình già Cao tin tưởng ở chuyện Mỹ bốc, mà rất nhiều người khác nữa cũng tin chắc chắn như vậy. Một lần nữa, tương tự như vụ tàu há mồm đón đi Úc, tôi lại cãi. Nhưng cãi vừa phải thôi vì khá am hiểu về nước Mỹ, bạn bè bà con viết thư về nói thẳng cũng nhiều, tôi biết chính quyền Mỹ chấp nhận cho các cải tạo được phép đến Mỹ làm lại cuộc đời như một di dân tị nạn, theo những qui chế đã có sẵn từ lâu đời. Mặt khác, qua một vài

cán bộ bạn cũ làm chức tương đối lớn trong Thành ủy, tôi được biết rằng chính quyền Cộng Sản Việt Nam sẵn sàng tống khứ cái đám cựu sĩ quan này đi nước ngoài cho rảnh. Ngày nào còn thành phần sĩ quan “*ngụy*” trong nước, chỉ cần tình hình rắc rối, là họ có thể cầm quân trở lại, lật đổ Đảng như chơi. Một cán bộ kết luận đại khái rằng: Khi đám cựu sĩ quan đi rồi, thì đám quân ngụy cũ kể như rấn mất đầu, không còn là một đe dọa nào nữa.

Nhưng tôi cãi bạn bè hăng nhất ở điểm: nhà xe với tiền lương truy lãnh. Tôi bảo bạn bè rằng chúng ta đâu có là lính Mỹ, và cũng không tình nguyện đầu quân cho Mỹ hồi nào, vậy tại sao đòi trả lương truy lãnh và hưởng mọi ưu đãi dành cho cựu quân nhân Hoa Kỳ? Tôi mang hết kiến thức ra mà cãi rằng ai muốn đi chắc chắn phải nạp đơn để cả hai chính quyền Mỹ Việt cùng cứu xét, tương tự như diện đoàn tụ gia đình mà tôi đã nạp đơn từ lâu. Bạn bè tôi sau cùng chia làm ba phe: phe thứ nhất chủ trương Mỹ bốc chắc, cứ ngồi nhà sẽ có Công an mang hồ sơ đến lo cho tất cả thủ tục, xong là cả nhà, kể cả họ hàng ở chung, con dâu con rể, tất cả được đưa ra Vũng Tàu — sau này được tăng cường thêm một cầu không vận toàn phi cơ *Galaxy* đáp thẳng xuống Tân Sơn Nhất. Đến Mỹ là đủ mọi quyền lợi (như đã mô tả trên). Phe này khinh chính quyền Cộng Sản Việt Nam ra mặt vì “*thằng Mỹ đã mua đứt thằng Nga thằng Tàu rồi!*” việc gì phải làm đơn xin “*chúng nó!*”

Phe thứ hai thì ngược hẳn lại, chủ trương rằng “*đời nào*

thằng Cộng sản lại chịu để cho đám sĩ quan nguy bước chân lên máy bay sang Mỹ ăn sung mặc sướng lần nữa." Phe này chủ trương cái gì Cộng sản nói cũng không tin hết, do đó chỉ có một con đường duy nhất để tới Mỹ là vượt biên.

Phe thứ ba tương đối đông nhất, trong đó có tôi, già Cao và hai người bạn nữa trong nhóm cải tạo chơi thân với nhau thời kỳ đó. Nhóm này tin rằng muốn tới Mỹ phải xin phía Mỹ chấp nhận cho đến trước đã, sau đó lại phải xin Việt Nam chấp nhận cho đi. Thực ra già Cao ngã vào nhóm này chỉ vì tin ở tôi. Chính vì niềm tin này, mặc dù già không có một thân nhân nào ở Mỹ, cũng vẫn làm hồ sơ gửi đến Tòa Đại Sứ Mỹ tại Thái Lan. Và cái ngày được Bangkok gửi văn bản cho số IV về, già Cao cười thật tươi mang đến khoe tôi. Kể từ đó già tin tưởng ở những gì tôi nói về tương lai và nước Mỹ nhiều hơn nữa, và đến ngày chính quyền địa phương cho biết sẽ nhận đơn của những người đã có IV của Bangkok, thì già kéo tôi đi uống cà phê trò chuyện đến khuya. Sáng hôm sau, già đến cơ quan Công an nộp đơn từ sáu giờ sáng để rồi phải về không vì đông quá. Hôm sau già đến từ ba giờ đêm, để rồi cũng không xong vì Công an chỉ nhận năm mươi hồ sơ đầu. Đêm thứ ba, già bỏ ngủ, đến từ mười hai giờ đêm xếp hàng và lần này nộp được đơn.

Trong những ngày tháng còn ở Việt Nam, và sau này khi tôi đã ở Mỹ, già Cao vẫn tin tưởng ở những kiến thức của tôi. Nghĩa là một khi đã tới Mỹ sau một thời gian trợ cấp ngắn ngủi, "*Mỹ sẽ quẳng mình vào đời, lúc đó giàu*

nghèo sướng khổ là tùy sức lao động và cố gắng của mỗi người.” Bởi thế già đã bán gói quà nhỏ tôi gửi về mua một cassette để cả nhà học tiếng Anh, chuẩn bị một cuộc sống vất vả nơi xứ người. Già viết thư cho tôi khá thường xuyên, và hay tuyên bố rằng không sợ đời sống Mỹ vì ở Việt Nam “vợ đi may tối ngày, hai bố con đạp xích lô khùng điên, lo gì không kiếm được việc ở Mỹ.” Có một lần già làm tôi mỉm cười ngậm ngùi khi già viết trong một thư:

“Nhìn hình nhà thầy chụp bữa ăn với bạn bè, ăn xong rồi mà còn cả nửa con gà bỏ đó với bao nhiêu đồ ăn, nhà em mơ giá được ăn chỗ thừa ấy thôi, cũng thấy đã rồi!”

Tôi vội trả lời ngay rằng xứ Mỹ bảo đảm có đủ thực phẩm nuôi dân (nhất là gà), đủ quần áo ấm cho tất cả mọi người (dù quần áo nhà thờ), đừng có lo lắng gì cả.

Tôi kết luận ở cuối thư bằng một đoạn mà không chắc già Cao đã hiểu hết ý: Nếu định đến Mỹ tìm tự do và cơm no áo ấm, thì chắc chắn sẽ toại nguyện. Còn nếu định tìm một điều gì khác nữa, thì chưa chắc đã thấy. Bởi thế các đảng tổ phụ lập quốc của Hoa Kỳ đã phải trịnh trọng ghi vào bản Tuyên Ngôn Độc Lập một thứ quyền lạ đời, là “quyền mưu cầu hạnh phúc.” Tôi lăm chữ nghĩa thì viết vậy thôi chứ già Cao không cần tới thứ nhận định đầy điển tích ấy của tôi, cũng vẫn tìm thấy hạnh phúc già mong. Nạp đơn sớm, già được đến thành phố San ngay từ những đợt H.O. đầu tiên và khi gia đình tôi phóng xe vượt đường xa đến thăm, gia đình già đã đón tiếp thật nồng hậu.

Nhà ở thuê một chung cư tồi, bàn ghế phòng khách chưa có, quần áo “*của nhà thờ*,” phải trải chăn chiếu xuống sàn làm bàn ăn, già Cao vẫn linh đình và trịnh trọng mời ăn. Bà vợ và đứa con gái bưng hết đĩa này đến đĩa khác ra, đứa con trai hãnh diện bày những pack bia đầy chiếu, và dĩ nhiên không thiếu một chiếc chiếu cây. Đối với tiêu chuẩn nhà ở của Mỹ, thì căn nhà của già thuê đúng là loại nhà nghèo, nhưng điều đó đâu quan trọng gì vì nhà của già ở Việt Nam còn lâu mới được tiện nghi, tối tân như vậy. Cả gia đình già nở bung như hoa mãn khai, giống như gia đình tôi trước đây, bởi vì ông bếp trưởng già trên rừng ngày nào với ông bếp viên vụng về là tôi, đâu có mong chờ quá nhiều ở đất nước Mỹ như những người bạn sống trong hoang tưởng khác.

Ở khá xa nhau nên hai đứa tôi thỉnh thoảng chỉ liên lạc với nhau bằng điện thoại. Thời gian qua dần mà già vẫn cứ tử thủ trong căn nhà trong chung cư cũ kỹ ấy mặc dù đã kiếm ra tiền thoải mái. Giọng già vẫn vui đều đều trong máy điện thoại làm tôi cứ phải hỏi thăm xem cái hộp bích quy đựng *dollar* xanh của gia đình già đã đầy đến đâu rồi — tương tự những người xuất thân nông thôn và ở với đảng Cộng sản quá lâu, già coi bộ không tin nhiệm ở hệ thống ngân hàng Mỹ cho lắm. Nhưng đúng như các cụ xưa đã nói, cuộc đời mấy khi được toàn hảo: già Cao rồi cũng lâm vào rắc rối.

Một buổi tối giọng già buồn rầu kể qua điện thoại viễn

liên rằng bà vợ, sau khi đi dự một buổi chiếu phim về cái hại của thuốc lá, đã về nhà vứt nốt cái điếu cày lẫn thuốc vào thùng rác. Giọng già buồn quá làm tôi lại phải mách kế, mớm lời cho già đấu tranh và thuyết phục bà vợ hãy để cho cai từ từ thôi, tránh bị sốc. Ba hôm sau già lại điện thoại, cho biết là đã “*giải thoát*” được cái điếu cày, rồi rụt rè xin tôi ít thuốc Lào. Già cẩn thận dặn là phải bỏ ít thôi vào bao thư thường để qua khỏi sự kiểm soát (và đô hộ) của quản giáo mới, là bà vợ. Dĩ nhiên cũng như biết bao nhiêu năm về trước hai đứa đã qua mặt các quản giáo trên trại cải tạo thiếu gì chuyện, tiếp tế lên thuốc Lào cho bạn già cũng dễ thôi.

Rồi đến một ngày giọng già Cao đầy đặc thắng loạn tin qua điện thoại là đã nhờ người quen mang sang được hai ký thuốc Lào thật ngon, và sẵn sàng chia cho tôi. Tôi cảm ơn vì kho dự trữ của tôi cũng còn khá lắm. Giọng ông bạn già này quá vui làm tôi bắt đầu ghen tị chút đỉnh. Tôi biết chắc rằng cái hộp bích quy đựng giấy xanh của gia đình già đã cao lắm rồi, và chắc chắn sẽ mua được nhà riêng trước tôi. Bởi thế tôi dự tính khi nào già mời tôi đến ăn tân gia nhà mới ở Hoa Kỳ, tôi sẽ uống ba lon bia, hút đã đời thuốc Lào, rồi sẽ trình trọng mang chữ nghĩa khoa học ra gièm rằng nhà của già đang nằm trên đúng cái *phay Andrea*. Động đất mà lớn, dăm đồ tiêu tan trong nháy mắt. Cứ gièm như thế cho đến khi nào mặt già trở thành đăm chiêu như những ngày đã xa trên rừng, tôi mới từ từ trấn an sau.

NGƯỜI LÍNH GIÀ CHÂN ĐÀI TƯỢNG NIỆM

I.

Anh đã đến miền bắc của Hoa Kỳ vào cuối một mùa thu. Đến vừa đủ kịp để thưởng thức vẻ đẹp của lá vàng trên cây và lá vàng rụng đầy trên các thảm cỏ và đồi núi. Từ nhỏ, qua những văn chương thơ phú đã đọc và đã học, anh vẫn thường mơ đến những cảnh “*Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san*” và tin rằng hẳn những cảnh này sẽ đẹp lắm. Bây giờ tóc anh, nói theo ngôn ngữ cũ, là đã điểm sương “*Chàng Siêu mái tóc điểm sương mới về*”, mới được đến vùng ôn đới hoang liêu này. Cây *maple* có cùng họ với cây phong, cây ngô đồng của châu Á cố cựu đã rơi bỏ hay không, anh không rõ nhưng những lá *maple* về mùa thu thật

tuyệt vời. Đẹp như trong một giấc mơ về thu của bất cứ ai lớn lên trong vùng nhiệt đới không biết thu là gì.

Mới tới định cư, không ai có thể lấy ngay bằng lái xe nên gia đình anh, mỗi sáng của mùa thu ấy, đeo túi sách học ESL đi bộ ven con lộ nhỏ vàng hoe đầy nắng tươi và lá vàng rụng đến trạm xe *bus* khá xa nhà. Nơi này có hai cây *maple* đang vàng rực pha đỏ, theo gió ngoài biển vào rụng đầy lên người trước khi nhẹ nhàng rơi tiếp để rồi nằm trên bãi cỏ còn mầu xanh nhưng đã bắt đầu úa trắng. Anh thường đứng yên dưới gốc cây này, châm thuốc hút và không hề sốt ruột. Xe *bus* muốn bao giờ tới thì tới, anh đã có tặng phẩm của miền đất mới là một mùa thu đến với loài người như thế.

Anh đã tận hưởng một mùa thu như vậy nên không nhận nhỏ gì nhiều khi mùa đông tây bắc đến với những bước chậm rãi lạnh buốt và làm trắng dần dần tất cả. Và không có gì báo mùa đông đã tới rồi đó bằng một buổi sáng thức giấc thấy mọi khung cửa kính đã mờ, lấy tay xoa một khoảng nhìn ra ngoài, thấy sương giá đã đóng một lớp như băng trên bãi cỏ vườn nhà. Anh thu mình lại trong nhà cùng gia đình, ngoài những lúc xem phim chưởng, dành đa số thời gian ngồi trước chiếc máy đánh chữ điện cũ kỹ viết những bài văn đầu tiên nơi xứ người. Anh hiểu rằng đã rời quê hương, là bỏ tất cả những gì mình đã có bên kia biển. Có là gì chẳng nữa trong xã hội cũ miền Nam, thì bây giờ cũng chỉ là một người di dân tị nạn mới tới. Riêng anh thì

có chút may mắn hơn bởi vì một đại tá chẳng mang theo cấp bậc của mình, một nhà văn vẫn còn là nhà văn.

Nhưng anh đâu đã đủ già để ngồi yên, ngủ im trên chiếc gối êm của danh tiếng cũ. Anh phải bắt đầu lại tất cả mọi thứ từ chỗ bắt đầu, bởi thế anh đã viết khá chăm chỉ suốt mùa đông đầu tiên trên phần đất anh đã chọn làm quê hương thứ hai này. Thỉnh thoảng mới ra khỏi nhà khi bạn bè thân thuộc rảnh rỗi mang xe đến đón đi đến những thành phố lân cận ồn ào hơn và đầy những quán ăn Việt Nam, hay vợ chồng người Mỹ già làm *tutor* Anh Văn cho gia đình tổ chức những chuyến đi du khảo tại địa phương, và chính trong một chuyến du khảo gần đây, vợ chồng anh đã được đến thăm Quốc Hội tiểu bang đang họp phiên thường lệ.

Một xứ sở thanh bình quá lâu, lại quá giàu, nên các dân biểu bàn cãi thảo luận rất thanh thản. Thật khó mà tìm thấy một không khí sắt máu hay gay gắt nào. Hai vợ chồng không theo dõi các lời trao đổi của các đại diện, làm dân mới tới với cái vốn Anh Văn ít ỏi, có lắng nghe cũng chẳng hiểu gì. Cả hai đứa thích thú nhìn theo các thiếu niên, nhất là các cô gái mặc đồng phục mẫu đỏ tươi đi đi lại lại trong phòng họp. Bà tutor cắt nghĩa đó là các *pages*, tuyển chọn từ các học sinh ưu tú các trường trung học trong vùng. Các em đến đây phục vụ các dân biểu, từ việc lo giải khát tới sao giùm các hồ sơ... Chế độ *pages* này thật tuyệt vời: đưa thế hệ trẻ vào tận trong phòng họp của Thượng Hạ Nghị Viện để các em tiếp xúc, học hỏi trực tiếp thế hệ cha chú.

Bằng những cặp mắt trong sáng ấy, các em còn gián tiếp kiểm soát luôn nền dân chủ của đất nước mình. Và dĩ nhiên sẽ chẳng còn một ai, dù tức giận đến mấy, có thể vắng những lời thô tục hay chửi thề trước những cặp mắt trong veo như thế. Mặt khác, được giáo dục về dân chủ kỹ như vậy, khó có em *pages* nào sau này mơ đến truyện làm một nhà độc tài, dù là độc tài kiểu Trung Mỹ hay Nam Mỹ.

Sau khi ra trước điện *State Capitol* chụp vài bức hình lưu niệm trong trời đông u ám, anh ngạc nhiên thấy lá quốc kỳ treo trên cột chính đã được treo theo thế cờ tang. Anh hỏi ông *tutor*, một cựu chiến binh không quân đã hai lần phục vụ tại Việt Nam, là đang treo cờ rũ vì lý do gì. Ông bạn Mỹ tóc tiêu muối này cũng không biết luôn, phải ghé hỏi ông cảnh binh mặc lễ phục đang ứng trực. Và người này đã cho biết hôm qua có một công nhân xây dựng đang sửa chữa trên cao thì té chết. Lương viện bèn ra lệnh hôm nay treo cờ rũ để tưởng niệm người đã chết ấy.

Quốc hội một tiểu bang ra lệnh treo cờ rũ tại trụ sở mình chỉ vì một công nhân tử nạn, thật khó mà tưởng tượng được. Anh từ một xứ sở từ bao năm vẫn tự hào là có đảng do công nhân lãnh đạo để phục vụ nhân dân nghèo, cờ tang được treo thiếu gì cho các lãnh tụ đảng qua đời, nhưng các công nhân, dù có tai nạn chết cách gì chẳng nữa, cũng chẳng làm rung động bất cứ một lá cờ đỏ sao vàng nào đầy rẫy khắp các phố phường. Chỉ bằng một sự kiện nho nhỏ không đáng gì này, anh cũng thêm một lý do để hiểu tại sao Đảng Cộng

Sản nơi quê hương cũ đã chẳng thể thành công trong việc mang lại cho dân cơm no áo ấm và tư cách sống cho ra con người phẩm giá.

Ông bạn Mỹ già bảo còn một nơi nữa một con người cựu chiến binh như anh cần ghé tới. Cũng không xa gì, ngay bên trái của Quốc Hội tiểu bang. Trong ánh sáng trắng nhạt và không khí lạnh giá của mùa đông, bốn người đi trên một lối đi nhỏ dẫn vào đài tưởng niệm những công dân tiểu bang đã hi sinh tại Việt Nam. Đài cũng xây hình chữ V bằng cẩm thạch đen như đài Tưởng Niệm Chiến Tranh Việt Nam ở thủ đô phía đông, nhưng nhỏ hơn vì chỉ có 1001 con em tiểu bang đã hi sinh nơi quê hương cũ của anh mà thôi. Hai vợ chồng anh đi dọc tường, đọc loáng thoáng những tên người xa lạ, ngắm những bông hoa nhỏ, bông còn tươi bông đã héo tàn cắm trên lỗ hổng nhỏ cạnh tên những người tử sĩ.

Tiểu bang này chỉ là một bang nhỏ nằm khuất trên góc trái của một đất nước rộng lớn, dân số toàn bang chỉ bằng dân số của một thành phố Sài Gòn thôi, mà cũng đã đóng góp một ngàn lẻ một thanh niên của mình cho vùng đất xa xôi bên kia trái đất. Đất rộng người thưa, đời sống êm ả, hẳn tin một thanh niên chết trận sẽ gây xáo trộn cho cả một vùng. Hàng xóm láng giềng bà con xa gần đến tang gia chia buồn, và hôm đón được xác về, lễ cầu hồn trong nhà thờ, lễ mai táng với quan tài khênh bởi sáu cựu chiến binh cổ cựu với loạt súng bắn của các đồng đội khi làm lễ hạ

huyết, hẳn là một biến cố xúc động cho tất cả. Nhưng những gia đình được chôn cha, chồng, anh của mình trong phần đất này, còn được nhận lá quốc kỳ gấp lại cùng những vòng hoa tang, vẫn còn là may mắn lắm.

Dùng chữ “*may mắn*” ở đây có vẻ mỉa mai, nhưng khó tìm chữ nào khác bởi vì trong danh sách 1001 kia, đâu có tên những người là MIA, *Missing In Action*, mất tích trong khi chiến đấu. Đối với thân nhân những người này, những năm tháng qua đi là những thời gian mỗi mòn trong chờ đợi, một năm, hai năm rồi nhiều năm. Không biết có ai đã chờ đợi như những lời thơ diễm tuyệt của *Simonov* cách đây gần nửa thế kỷ chẳng:

Đợi anh: anh sẽ trở về.

Đợi anh hoài em nhé!

Đợi anh qua mùa thu vàng úa

Qua nổi sâu trùng trùng.

Đợi anh qua đông dài u ám,

Đợi anh qua cuồng phong giông bão,

Đợi anh qua nắng hè bốc cháy,

Đợi anh khi người người đã thôi chờ đợi.

Đợi anh khi tim anh im vắng,

Đợi anh với hy vọng chẳng phai mờ,

Đợi anh và đừng tuyệt vọng!

Đợi anh: anh sẽ trở về.

Bền gan đợi anh hoài, em nhé...

(Hong Hà dịch)

Đến khi có một người lính cựu Việt Nam đến đứng dưới chân bức tường đá đen này, những gia đình những người mất tích ấy đã đợi chờ quá nhiều năm rồi và vẫn còn tiếp tục chờ nữa. Cho đến khi hoặc được hạnh phúc khó có là ôm trong tay người sống sót trở về, hoặc bị nhận thứ hạnh phúc buồn là thấy tên chồng cha con anh em của mình được khắc thêm lên trên bức tường kia, để mình sau cùng cũng có thể cắm những bông hoa tươi cho héo dần trên những lỗ hổng nhỏ trên nền cẩm thạch.

Khi kéo cao cổ áo ra về trong sương giá đông đặc của buổi chiều, vợ anh ngậm ngùi nhận xét: Bọn mình sanh toàn con trai. Thử tưởng sau này nếu có chiến tranh, đất nước này muốn gửi chúng đi chiến đấu tại Phi Châu Á Châu Nam Mỹ xa vời, liệu chúng ta có làm nổi như những người dân ở tiểu bang này hay không? Anh im lặng hút thuốc không trả lời vì anh yêu thương con vô cùng. Cứ thử tưởng tượng một đứa thôi, bất cứ đứa nào phải đi chiến đấu bên kia trái đất và chết hay mất tích tại phần đất xa vời đó, thì tấm lòng người cha già lúc đó sẽ ra sao.

II.

Chính vì buổi chiều tại đài tưởng niệm đá đen này, một thời gian sau anh đã gặp xích mích đầu tiên tại Hoa Kỳ. Các hội đoàn cựu quân nhân các tỉnh trong vùng tổ chức một buổi họp tại thành phố anh cư ngụ để cùng tất cả

tổ chức một buổi lễ nhân ngày *Memorial Day* của Mỹ. Anh cũng được mời dự, không phải vì đại diện cho một hội đoàn nào, mà vì là một nhà văn cựu quân nhân mới tới.

Khi lên xe một người bạn đến đón, trong bóng tối xuống quá nhanh của chiều đông xứ này, anh ý thức nếu các hội đoàn mời, chắc chỉ để đề nghị anh trong buổi lễ sẽ đứng lên đọc một bài văn tố Cộng nào đó. Buổi họp chỉ mời đại diện các hội đoàn mà thôi, kể cả tôn giáo, nên không đông gì. Và nghĩ rằng làm một người mới tới cũng nên có chút gì đóng góp với bà con cũ, nên sang đến phần thảo luận nên làm gì, anh đã lên tiếng đưa ra một đề nghị.

Chính buổi chiều bên bức tường tưởng niệm đá đen ấy đã làm cho anh nói rằng trong một ngàn lẻ một tử sĩ của tiểu bang, chắc cũng có vài chục gia đình cư ngụ quanh vùng, có thể kiếm ra địa chỉ dễ dàng. Anh đề nghị phía người Việt sẽ mời các gia đình ấy đến đài tưởng niệm, đợi đến khi xong nghi lễ chính thức thường lệ phía Mỹ, các hội đoàn sẽ cử đại diện đi tặng mỗi gia đình ấy một bó hoa cột bằng hai mẩu cờ Mỹ Việt. Sau đó sẽ chân thành lên tiếng cảm ơn tất cả những người đã để con em đến, chiến đấu và hi sinh tại Việt Nam.

Khi đề nghị như vậy, anh đã nghĩ rằng biểu lộ lòng biết ơn như thế là một cử chỉ đẹp của người Việt, có gì là không ổn đâu. Anh thật không ngờ khi vừa nói xong, một cựu cấp tá của một hội đoàn cựu quân nhân tỉnh kế cận đã nặng lời bác khước. Ông bảo rằng thật vô lý khi người Việt phải

cám ơn người Mỹ khi người Mỹ đã bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa năm 75. Ông cũng còn nhấn mạnh là không việc gì phải cám ơn gia đình những tử sĩ Mỹ bởi vì những người lính Mỹ này đến Việt Nam chiến đấu là chiến đấu cho bọn tư bản *Wall Street*, cho quyền lợi của đám chính khách giàu có da trắng xứ này. Đâu có chết cho Việt Nam và vì Việt Nam...

Làm một người mới tới đất nước xa lạ, cái gì cũng phải học phải tìm hiểu, anh đâu có biết ai với ai, và gây xích mích với người đi trước là điều không nghĩ tới trong khi bản thân mình tiếng Anh chưa thông, nhà cửa trống trơn, hội nhập mới ở bước đầu của tất cả. Nhưng nghe những lời đó của ông bạn hội đoàn, anh không nhin được. Không phải chỉ vì truyện biết ơn hay không biết ơn những tử sĩ của Mỹ, mà còn vì những ám ảnh của quá khứ.

Ngày được tha về, khi chiếc xe đồ cũ kỹ chạy qua vùng nghĩa trang Thủ Đức cũ, dù biết trước bức tượng “*Thương tiếc*” của Nguyễn Thanh Thu đã bị đập bể từ lâu, anh không khỏi ngậm ngùi khi thấy khoảng trống trên bệ tượng ven đường. Bản thân anh là sĩ quan, trong những năm cải tạo đã bị vùi dập như loài giun dế, bắt phải nhận là lính tay sai lính đánh mướn cho đế quốc Mỹ, anh không quan tâm. Anh biết anh đã là sĩ quan hàng hoàng của quân lực chính quy miền Nam, chẳng qua là được thì làm vua thua làm giặc, làm “*ngụy*” mà thôi. Dù ngoài miệng và trên các bản đầu hoạnh, anh và đồng đội đã phải nhận mình là lính ngụy

lính đánh mướn để bảo toàn mạng sống trước đã, trong thâm tâm chẳng một ai tủi hổ vì đã là và còn đang là một sĩ quan của quân lực miền Nam. Nhưng bị vùi giập như vậy chẳng phải là điều vui gì cho bất cứ ai, nhưng làm trai thời loạn đã thất trận làm tù binh, thì bị hạ bệ như thế cũng là một cái giá phải trả thôi.

Đối với những người như anh, những người lính Mỹ là các bạn đồng minh đến cứu nguy cho quân lực VNCH đang bị đẩy vào thế thua cầm chắc năm 1965. Thời gian ấy khi anh từ miền Trung đổi về làm trung đội trưởng ở sư đoàn cuối cùng bảo vệ phía bắc Sài Gòn, trung đội chỉ còn có 17 người. Khi anh làm đại đội phó rồi đại đội trưởng, đại đội chính quy chỉ còn trung bình 60 người. Thời gian cuối cùng ở đơn vị này, khi tiểu đoàn triệu tập một buổi họp các sĩ quan, thì ba đại đội tác chiến chỉ còn đúng ba thiếu úy đại đội trưởng và tiểu đoàn phó phải kiêm nhiệm đại đội chỉ huy. Sĩ quan tử trận quá nhiều và quá nhanh, không cách gì thay thế kịp. Các cấp lãnh đạo chính quyền thời đó đã che dấu sự thực là nếu không cầu cứu đồng minh, miền Nam chỉ còn cầm cự được từ sáu tháng đến một năm nữa mà thôi.

Các đồng minh đến giúp và khi đã giúp hết sức của họ mà không chiến thắng, rồi lại gặp rối loạn nơi quê nhà, nếu họ có rút quân về thì đó là quyền của họ. Đâu có phải vì thế mà chúng ta phủ nhận những công lao, nhất là xương máu của những người bạn này đâu. Họ đã rời quê hương

tiện nghi thanh bình, đến chiến đấu gian khổ, bị thương tật và hi sinh mạng sống cho dân tộc chúng ta. Làm một người Việt Nam, là một cựu chiến binh của *đạo quân gia chủ*, anh thấy nếu có thốt lên lời cảm ơn nào đó, cũng là điều phải đạo mà thôi. Giữa các chiến hữu một thời với nhau.

Bởi tất cả những điều như thế nên trong buổi họp chiều đông u ám lạnh cóng ấy, anh đã lên tiếng bác bỏ lời ông bạn cấp tá di tản 75 kia. Anh nói đại khái rằng ông bạn có thể nói những lời lẽ như thế với Tổng Thống Mỹ ở Tòa Bạch Ốc, với Quốc Hội trên đồi Capitol, với các tài phiệt ở New York trong các tòa nhà chọc trời trắng lệt, chứ không thể nói những lời lẽ đó với các cựu chiến binh và gia đình các tử sĩ Mỹ. Bởi vì những quân nhân này khi cầm súng đến Việt Nam, họ đã tin tưởng rằng họ đến để cứu đồng minh, đến để bảo vệ một dân tộc đang sắp mất hết tự do và cơm no áo ấm trước làn sóng đỏ từ phương bắc. Anh nhấn mạnh rằng đa số các quân nhân Mỹ xấu số, trước khi ngã gục ở chiến trường, đều đã chết đi trong một niềm tin tưởng như thế.

Anh cũng hỏi ông bạn hội đoàn đó là nếu không có những người lính Mỹ đã chết đi ấy, liệu giờ phút này ông bạn có thể ngồi ở đây trong an bình và no ấm không... Anh chưa chất kết luận: Nếu mọi người có mặt ở đây tối nay không hề cảm thấy chịu một ơn gì với ai hết thì đó là ý của mọi người. Riêng phần anh, anh cảm ơn những người lính Mỹ đó rất nhiều. Không có họ, ngay gia đình anh cũng

chẳng có một cơ hội nào đến làm lại cuộc đời nơi xứ sở thanh bình này.

OC 1987, CA, September 10, 2017

III.

Sau khi anh ngừng nói, cả phòng im lặng trong một không khí nặng nề. Không một ai hiện diện bày tỏ sự đồng ý, dù chỉ một phần những điều anh đã phát biểu. Sau cùng người chủ tọa buổi họp, một cựu cấp tá không quân, lên tiếng bác đề nghị của anh. Anh không tranh luận thêm bởi vì anh chẳng còn biết nói gì trong không khí ác cảm và giá lạnh này.

Anh không thể nào nói cho những người bạn đã tháo lon bỏ súng di tản tháng 4, 1975 ấy hiểu nổi và chia xẻ những gì đã xảy đến cho những đồng đội ở lại trong quân ngũ đến khi có lệnh chính thức ngừng chiến đấu do tổng tư lệnh cuối cùng ban hành. Thí dụ như làm sao mà diễn tả cho nổi cảnh một buổi chiều đội cải tạo của anh đi làm rừng về băng qua công trường của công nhân do Sài Gòn gửi lên xây cất một nhà tù mới nơi vùng này. Trong toán công nhân này có một cô gái xinh đẹp da trắng mịn màng đang tháo đôi găng tay đen ngày nào đeo để lái xe *Solex* trên đường phố Sài Gòn. Một sĩ quan trẻ trong đội anh lên tiếng chọc ghẹo: Trời đất ơi, người đẹp như thế sao lại lên chốn rừng xanh này cho khổ thân... Cô gái đã trả lời:

— *Tại các chú chiến đấu dở như hạc nên người ta mới*

phải khổ như thế này. Còn bày đặt...

Cô gái không hề to tiếng, giọng thật dịu dàng thoi nhưng các sĩ quan cải tạo đang vui vẻ vì được về trại sau một ngày lao động quá cực bỗng dưng im lặng. Cả đám không còn ai cười nói gì nữa cho tới khi về tới cổng trại chờ kiểm tra thường lệ trong ngày.

Anh cũng chẳng diễn tả sao cho rõ rệt cảm giác ngưỡng ngừng trong một buổi tối nóng nực trong trại tị nạn ở Bataan. Trại lúc đó đông tới 12,000 người trong đó có khoảng 600 cựu quân nhân đa số qui tụ trong một Hội tư nhân được ban chỉ huy Trại chấp nhận. Đầu tháng 4 năm ấy Hội chính thức xin được phép tổ chức một buổi diễn hành với quân phục mượn của quân đội Phi Luật Tân. Lúc đó anh là người Việt duy nhất được (hay bị cử) làm việc trong phòng Tổ chức Cộng đồng, nên người đại diện toàn thể dân Việt trong trại (còn có một đại diện người Mên và đại diện người Lào nữa) đưa anh coi đơn xin phép diễn hành nhân ngày 30 tháng 4. Người đại diện này cũng là một cựu trung úy, nhưng là người miền Nam trực tính, nên đã phàn nàn với anh: Đã thất trận rồi nín khe trong nước bao nhiêu năm, bây giờ đến đây an toàn xa lộ rồi, lại bày đặt quân phục với diễn hành. Quân phục trận thì để mặc khi còn là lính đánh trận thôi chứ. Hơn nữa đại tá giám đốc Trại mới hỏi tại sao cựu quân nhân Việt lại thích kỷ niệm ngày quân lực của mình tan rã...

Anh đã cười với trung úy này nhưng giải thích rằng

những đồng đội cũ ấy bị ám ảnh bởi một lập luận không đúng với thực tế. Họ cứ tưởng chính quyền Mỹ chấp nhận cho họ đến Mỹ vì họ là những người chống Cộng dữ dội, trong khi người Mỹ nghĩ khác. Họ cho người Việt đến nhập nội làm lại cuộc đời chỉ vì họ đã từng là NẠN NHÂN của chế độ Cộng sản mà thôi. Những người đi tù vì tội chống đối lại chính quyền Cộng Sản Việt Nam sau tháng 4-75 không hề được ưu đãi, đôi khi còn bị bác đơn nhập cảnh. Họ đáng thương hơn là đáng trách, ngay cả khi họ làm đơn tố cáo nhau là Cộng sản với những bằng cứ kỳ khu như: Thăng đại diện vùng... là Cộng sản vì hắn mở quán cà-phê ở Sài Gòn. Mở quán, cán bộ công an vào đây, không là Cộng sản thì là gì!

Vậy thì buổi diễn hành được ban chỉ huy Trại cho phép thôi, với lệnh từ Phủ Tổng Thống ở Manila là cấm không cho mượn quân phục vì sợ Lực lượng Cộng Sản Võ trang NPA, quanh quẩn thiếu gì trong vùng bán đảo Bataan, xách AK vào trại lia vài băng chết vài chục tị nạn thì mang tiếng cho chính quyền địa phương. Các cựu quân nhân tổ chức các đội ngũ chia nhau tập cơ bản thao diễn vào các buổi tối, và đến đêm tổng tập duyệt thì bà con túa ra coi hai bên đường con lộ chính. Đứng trà trộn trong lớp trẻ, khi đoàn diễn hành một hai khá đều bước đi qua, một người trẻ lên tiếng chửi thề:

— ... Mấy cha già dịch! Hồi trước có súng có quân trong tay sao không một hai. Chạy tóe khói lên vậy mà bây giờ

bày đặt một hai với một hai.

Một vài người trẻ khác phụ họa, với anh ngượng ngùng đứng khuất ánh đèn dưới tàn lá dầy của một cây bàng cần cỗi.

IV.

Mùa xuân năm đó anh ghi danh học một lớp *Writing* của Đại học Cộng đồng đang theo học. Đây là lớp Anh văn tiền đại học cuối cùng: ai qua được sẽ được ghi danh học *English 101*, ai không qua được sẽ phải học tiếp một vài lớp Anh văn khác nữa. Lớp khá đông người đủ các loại tuổi và anh là sinh viên duy nhất không phải là da trắng.

Anh học chung không một e ngại nào với những người bạn da trắng biết nói tiếng Anh từ nhỏ, bởi vì nếu họ nói thông thạo thì viết không giỏi giang gì. Bởi thế khi những cây hoa đào nở đầu xuân đã tàn trong khuôn viên, thay bằng những loại cây hoa lớn màu sắc rực rỡ cần nhiều nắng ấm, anh không một lúc nào nghĩ rằng phải sợ bài *essay* chính bà giáo mới cho về đề tài:

“Anh (chị) hãy kể lại một truyện của đời mình trong đó tình thân trách nhiệm đóng vai chủ chốt.”

Khi bài được trả lại, anh liếc mắt nhìn bài của cô bạn Laura vẫn ngồi cùng bàn và thấy điểm B. Anh ngạc nhiên vì tuần trước, khi cả lớp phải trao đổi bản thảo với một người bạn, anh đã đọc bài của cô bạn gái dễ thương này và

tin chắc là xứng đáng với điểm A. Laura đã kể lại nhiều năm về trước, một buổi tối mùa đông đi làm về mệt mỏi, mở tủ lạnh ra định uống sữa thì bình sữa đã hết mà ông chồng vẫn chưa mua. Nàng cần nhằn hoài làm anh sau cùng lấy xe đổ đèo đi chợ — cả hai không coi TV, nghe đài trong ngày nên không biết tin *black ice* đã xuất hiện trong vùng đồi núi này. Vậy anh đã trượt trên băng mỏng, xe lao xuống vực và anh đã chết trước khi mua được bình sữa nàng đòi. Laura kể tiếp rằng khi mở cửa trong khuya thấy người cảnh sát già y phục chỉnh tề, bỏ mũ báo tin buồn, nàng đã sống người không nói được và cũng không khóc được.

Laura đã hối hận vô cùng và dầy vò khổ sở nhiều năm vì trách nhiệm về cái chết của chồng, đến độ phải bỏ việc và không còn muốn gặp ai. Mãi đến năm nay, với thời gian, nàng đã nguôi ngoai và nghe theo lời của bác sĩ và gia đình, nàng ghi danh đi học lại nơi trường đại học nhỏ nằm êm đềm hai bên bờ của một giòng suối lớn và sâu này. Đọc xong bài, anh đã phải khen là viết hay và cảm động. Nhưng phút chót nàng đã cất bài ấy đi, viết một truyện khác tầm thường hơn để lãnh điểm B mà thôi. Anh hoàn toàn thông cảm: vết thương xưa cũ ấy đã chưa lành hẳn, kỷ niệm ấy chưa thể phơi bày trước công chúng.

Bài của anh chưa được trả lại vì nằm trong ba bài hay nhất, theo lệ thường, sẽ được đọc trước lớp. Người thứ ba đã được gọi đến tên và bà giáo đưa trả bài để anh đọc lấy.

Học chung với nhau gần hết một mùa xuân rồi mà anh

vẫn không biết đó là một cựu sĩ quan của *Vietnam War* — có lẽ anh ta có khuôn mặt quá trẻ nên anh không thể ngờ. Bằng một giọng đều đặn, sinh viên này kể rằng anh đã đến chiến trường Việt Nam với cấp bậc thiếu úy nơi một đơn vị bộ binh. Anh nói tới địa và sinh lầy, tới rừng tre và vất trắng, anh nói tới những kẻ thù bóng ma ẩn hiện trong từng bước đi. Một ngày nọ anh và trung đội một nhòai được rút về hậu cứ nghỉ ngơi. Nhưng chưa uống cạn lon bia thứ nhất đã có lệnh trung đoàn đưa xuống là đại đội anh phải đi ngay để bảo vệ bãi đáp cho đoàn trực thăng tải thương.

Cả đại đội cần nhần, rầu rĩ vì ngày mai đã là ngày của *Thanksgiving Day*, nhưng lệnh là lệnh, hơn nữa tản thương cho đồng đội thì nguy hiểm và mệt đến mấy cũng phải đi mà thôi. Mờ sáng hôm sau ngồi tựa lưng vào một gốc cây ven bãi đáp, quan sát bìa rừng, anh đã thấy đó là nơi lý tưởng cho một tay bắn sể dùng CKC có ống ngắm. Một người lính trẻ quân dịch vừa mới tới được hai tuần đi băng qua anh tìm chỗ đi tiêu. Anh đã toan lên tiếng ra lệnh cho đương sự không được đi xa, nhưng vì quá mệt nên đã cứ ngồi yên. Người lính trẻ này mới nhận thư nhà tuần trước, người vợ trẻ gửi hình đứa con mới sinh, anh đã mang đi khoe khắp đại đội và từ đại đội trưởng đến binh nhì, ai cũng khen đứa nhỏ kháu khỉnh. Nhưng không thiếu những người tình nghịch gièm pha chọc quê, kiểu: “*Này cậu, cái miệng đứa nhỏ không giống bố không giống mẹ. Cậu coi lại xem nó... giống ai khác chẳng!*” Những lời chọc quê sau cùng

THẾ UYÊN

đã làm anh nổi giận, dọa đâm vỡ mặt bất cứ ai, kể cả tướng hai sao, nếu còn chọc anh kiểu đó.

Và người lính trẻ mới tới ấy đi chưa quá vài thước về phía trước thì đã nẩy tung người về phía sau. Một khoảng khắc sau tiếng súng từ bìa rừng mới vang tới và người lính đã gục xuống trong khi các đồng đội tức giận bắn hết băng đạn đang có về phía bìa rừng. Đến trưa nắng chói chang đơn vị được lệnh lên trực thăng trở về, mang theo xác đồng đội duy nhất đã tử trận quần trong *poncho*.

Anh kể tiếp là khi về đến hậu cứ, mặc dù thượng cấp đã chuẩn bị một bữa ăn đầy đủ gà tây và những thức ăn truyền thống của *Thanksgiving*, cả đại đội anh hầu như chẳng ai buồn ăn uống. Còn anh, anh đã uống khá nhiều lon bia và tự hỏi làm sĩ quan từ bao năm, chỉ có mỗi một việc cất tiếng ra lệnh cấm người lính trẻ không kinh nghiệm chiến trường ấy không được đi ra xa, tại sao anh đã không làm nổi.

Bài thứ nhì đã được đọc tên và trao lại. Lần này thì anh biết tác giả là cựu quân nhân vì anh này hay đội mũ lưỡi trai *Marines* Mỹ trên có gắn một phù hiệu thu nhỏ của đơn vị cũ. Giọng đọc của anh đã không có vẻ trầm tĩnh của người cựu sĩ quan, lại còn phảng phất một uất hận chưa tiêu tan. Anh kể rằng anh bỏ dở *high school* tình nguyện đầu quân sang Việt Nam tới hai nhiệm kỳ. Anh đã từng có mặt ở vùng Khe Sanh... Tóm tắt, anh đã trải qua nhiều hiểm nguy và khó nhọc, để rồi khi trở về Mỹ, anh đã ngạc nhiên

là đồng bào anh đã chẳng đón chào niềm nở, còn đôi khi sỉ vả anh là đồ sát nhân, đồ hiếp gái tập thể.

Anh đã phẫn uất vô cùng. Anh có làm gì nên tội ngoài việc thi hành nhiệm vụ của một thanh niên thời chiến. Không khen thì thôi, sao nỡ dè bỉu, bôi nhọ anh như thế. Anh buồn rầu kết luận: Anh đã xin giải ngũ rồi bỏ đi sống ở các nước ngoài tới bảy năm liền. Anh uất anh giận đến độ chẳng muốn sống trên quê hương, nhìn mặt đồng bào nữa. Và sau cùng anh chỉ trở về khi danh dự những cựu chiến binh của Vietnam War đã được phục hồi. Anh cấp sách đi học lại, làm lại cuộc đời mình một lần nữa.

Sau khi nghe bài của hai cựu chiến binh da trắng kia, anh bỗng vui mừng. Vui mừng vì may quá, anh đã không hề dùng lập luận của mấy ông bạn hội đoàn Việt Nam trong buổi họp của tối mùa đông năm ấy. Nếu anh viết như thế, không hiểu những người bạn đồng học, nhất là hai cựu quân nhân kia, sẽ nhìn anh với con mắt như thế nào.

Bà giáo đọc tên anh rồi dịu dàng hỏi có bằng lòng cho bà đọc thay không — anh gật đầu ưng thuận và cảm ơn vì bà đã tỏ ra thông cảm với sinh viên già châu Á, viết không đến nỗi bết bát nhưng giọng Anh vẫn còn vô cùng yếu kém. Bài của anh rất giản dị, chữ nghĩa tiếng Anh của anh đã có bao nhiêu đâu để đi vào chi tiết. Anh nói rằng nhiệm vụ đầu tiên và cuối cùng của một đạo quân là bảo vệ tổ quốc mình, nhất là dân tộc mình, chống lại tất cả kẻ thù nào bất kể từ đâu tới. Anh chỉ là một dân sự bị động viên, nhưng

khi đã mặc bộ quần áo lính lên, anh cũng ráng làm hết bốn phần người lính của mình đến giờ phút cuối cùng của quân đội miền Nam. Bởi vì thế quân đội thắng trận của miền bắc mới có cơ hội bắt anh lên trại tập trung xa tít trong rừng núi nhiều năm.

Anh đã đói, đã khổ, đã khóc, đã đau ốm nhiều lần suýt chết, đã té nhúng cả một bàn tay vào chảo nước đang sôi sục, trước khi được tha về. Nhưng không sao, những năm lao khổ ấy cũng đáng thôi vì tại sao những quân nhân như anh đã không chiến đấu khá hơn. Quân đội anh đã không bảo vệ được dân để toàn dân phải đói khổ, mất hết tự do tối thiểu không biết tới bao giờ. Quân đội anh đã thất trận, đã tan rã, đã bỏ chạy, để trống mọi phòng tuyến cho quân Cộng sản tràn vào, dân chịu không nổi phải vượt biên, chết sông chết biển, bị cưỡng hiếp trên vịnh Xiêm La, bị bán đi làm gái điếm ở Bangkok.

Anh ngậm ngùi kết luận rằng những quân nhân của quân đội miền Nam, trong đó có cả bản thân anh, không thể nào chối cãi với ai trách nhiệm của mình đối với một quốc gia đã bị xóa tên trên bản đồ và một dân tộc Việt đã đói khổ, mất tự do từ nhiều năm và không biết còn là như thế tới bao giờ.

Khi bà giáo ngừng đọc sau câu cuối cùng, bỗng dừng cả lớp nhìn về phía anh và vỗ tay. Riêng hai người bạn cựu chiến binh da trắng thì giơ ngón tay cái lên, hướng về phía anh, đầy thân hữu và thông cảm.

V

Những học kỳ mang tên gọi để thương theo mùa, học kỳ xuân, học kỳ hè, học kỳ đông... kế tiếp nhau qua. Anh vẫn vừa tiếp tục học vừa viết văn — viết những gì anh thành thực cảm thấy cùng những tư duy giản dị của mình về cuộc đời bên này và bên kia đại dương. Nếu buổi đêm mùa đông năm ấy, vì những ý kiến đã phát biểu, anh đã tạo ác cảm không những trong phiên họp mà thôi, thậm chí đến người bạn mang xe đến đón anh đi họp, khi đưa về cũng bất mãn đến độ không thềm nói chuyện trong xe. Bởi thế kể từ đó, anh không ngạc nhiên khi nhận thấy không hội đoàn nào trong vùng mời anh tham dự các buổi họp của họ nữa.

Mỗi khi mùa hè trở lại, anh đều đi lang thang miền Bắc Mỹ châu. Từ Seattle, Portland, San Jose, Santa Ana, San Diego đến những thành phố chính của bờ biển phía đông. Anh đã đến thăm đài tưởng niệm đá đen ghi tên những tử sĩ *Vietnam War* ở thủ đô nước Mỹ, đã đến New York ngồi dưới chân tượng nữ thần Tự Do, đã đến Montreal nhiều lần lang thang trong những đêm nóng nực đường phố đầy người vui chơi, anh đã đi trên xa lộ ít xe của Canada đến thăm Ottawa, Toronto, Vancouver B.C.... Làm nhà văn thật dễ ướ nhiều bạn bè thân hữu rải rác năm châu bốn biển của Trái Đất, nhưng trong tất cả những nơi bước chân lang thang của anh đã đặt tới ấy, không có một hội đoàn cựu quân

nhân nào tiếp xúc, mời anh đến dự một bữa ăn thường nơi thành phố Tàu địa phương.

Anh không hề ngạc nhiên về sự lạnh nhạt đôi khi đến tấy chay ấy. Anh hiểu rằng đa số các chủ tịch các hội đoàn đó cho rằng phải hành động như họ, mới xứng đáng với danh xưng là cựu quân nhân của quân lực miền Nam cũ. Còn cái thứ như anh, không chịu chạy cho nhanh hay quá ngu không đào tẩu cho lẹ, để cho Cộng sản nhốt tù... kể như đã trở thành “*nhơ bản*” rồi. Không còn được trong sạch thanh cao, thụân túy quốc gia như họ nữa.

Ở những xứ sở đầy tự do và nhiều dân chủ này, những người đồng đội cũ ấy cứ việc tiếp tục chê anh, không nhận anh là đồng đội. Còn riêng phần anh, không cần phải đợi đến những mùa thu đầy lá vàng, sương mù và giá trắng đầy trên cỏ, làm con người dễ có những ý nghĩ bi quan, buồn phiền, anh cũng vẫn thấy rằng những kẻ đã thất trận trên thế gian này, những đạo quân đã không giữ nổi quốc gia mình, bảo vệ được dân tộc mình, đều không xứng đáng được “*vinh danh*” hay tưởng thưởng một vòng hoa nào cả.

Và nếu có một vòng hoa hay một bông hoa hồng nhỏ nào chẳng, thì đó là ở trên mộ những người chiến binh đã hi sinh trên chiến trường thực sự, chứ không phải ở trên cổ trên ngực những người sống sót mỗi năm đi diễn hành trong các lòng đường phố thanh bình của Tây phương.